

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
VINACOMIN-NORTHERN COAL TRADING JOINT STOCK COMPANY
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

PRE-QUALIFICATION DOCUMENTS
HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

| | |
|---|---|
| Procuring entity: <i>Bên mời thầu:</i> | Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company <i>Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin</i> |
| Name of the Pre- Qualification Documents: <i>Tên Hồ sơ mời sơ tuyển:</i> | Oversea-produced coal supplier selection in the Third Quarter - Fourth Quarter of 2023 for production and business activities of Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company <i>Lựa chọn nhà cung cấp than nhập khẩu Quý III - Quý IV năm 2023 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin</i> |
| Pre-Qualification Documents No.: <i>Số hiệu Hồ sơ mời sơ tuyển:</i> | STDSN01/2023 <i>STDSN01/2023</i> |
| Issued on: <i>Phát hành ngày:</i> | 24 th May 2023 <i>24/05/2023</i> |
| Issued together with: <i>Ban hành kèm theo:</i> | Decision No. 1086/QĐ-TMB dated 24 th May 2023 <i>Quyết định số 1086 /QĐ-TMB ngày 24/05/2023</i> |

Representative of Procuring Entity #

Đại diện Bên mời thầu



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Quang Trung

HANOI - MAY 2023/HÀ NỘI - THÁNG 5/2023

TABLE OF CONTENT/MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| TABLE OF CONTENT/MỤC LỤC | 0 |
| ABBREVIATIONS AND DEFINITIONS/CÁC THUẬT NGỮ | 0 |
| CHAPTER I. INSTRUCTION TO BIDDERS/ CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU..... | 1 |
| 1. Purpose/Mục đích..... | 1 |
| 2. Detailed process/Quy trình chi tiết..... | 1 |
| 3. Information about the goods and the conditions for the delivery of the goods/Thông tin về hàng hóa và các điều kiện đối với việc cung cấp hàng hóa | 1 |
| 4. Preparation and submission of PQ Application/Chuẩn bị và nộp HSDST | 2 |
| 5. Detailed instructions/Các chỉ dẫn chi tiết: | 2 |
| CHAPTER II. EVALUATION CRITERIA/ CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ..... | 24 |
| Section 1. Examination and Evaluation of the conformity of the PQ Application/Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST | 24 |
| Section 2. Eligibility of Bidder/Mục 2. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu..... | 26 |
| Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder/Mục 3. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu..... | 28 |
| CHAPTER III. PRE-QUALIFICATION FORMS/ CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN..... | 38 |
| 1. Form No.01: LETTER OF PQ APPLICATION ⁽¹⁾ / Mẫu số 01: ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN ⁽¹⁾ | 38 |
| 2. Form No.02: POWER OF ATTORNEY ⁽¹⁾ / Mẫu số 02: GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾ | 42 |
| 3. Form No.03: CONSORTIUM AGREEMENT/ Mẫu số 03: THỎA THUẬN LIÊN DANH..... | 45 |
| 4. Form No.04: BIDDER INFORMATION FORM/ Mẫu số 04: BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU..... | 52 |
| Form No.04(a): BIDDER INFORMATION FORM/ Mẫu số 04(a): BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU | 52 |
| Form No.04(b): CONSORTIUM MEMBER INFORMATION FORM ⁽¹⁾ / Mẫu số 04(b): BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH ⁽¹⁾ | 54 |
| 5. Form No.05: HISTORY OF UNFINISHED CONTRACTS DUE TO THE FAULT OF THE BIDDER ⁽¹⁾ / Mẫu số 05: HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ DO LỖI CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾ | 56 |

| | | |
|---|--|-----------|
| 6. | Form No.06: FINANCIAL SITUATION OF BIDDER ⁽¹⁾ / Mẫu số 06: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾ | 59 |
| 7. | Form No.07: EXPERIENCE OF BIDDER/ Mẫu số 07: KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU..... | 63 |
| | Form No.07(a): EXPERIENCE IN PERFORMING SIMILAR CONTRACTS/ Mẫu số 07(a): KINH NGHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ..... | 63 |
| | Form No.07(b): DECLARATION OF PRODUCTION CAPACITY OF SIMILAR GOODS/ Mẫu số 07(b): KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA TƯƠNG TỰ..... | 66 |
| CHAPTER IV. FRAMEWORK AGREEMENT/ CHƯƠNG IV. THỎA THUẬN KHUNG | | 68 |
| 1. | Form No.08: NOTIFICATION OF CONCLUSION OF FRAMEWORK AGREEMENT/ Mẫu số 08: THÔNG BÁO KÝ KẾT THỎA THUẬN KHUNG..... | 69 |
| 2. | Form No 09: DRAFT FRAMEWORK AGREEMENT/ Mẫu số 09: DỰ THẢO THỎA THUẬN KHUNG..... | 71 |

ABBREVIATIONS AND DEFINITIONS/CÁC THUẬT NGỮ

| | |
|---|--|
| RFQ <i>Bản YCBG</i> | Request for Quotation <i>Bản Yêu cầu báo giá</i> |
| Procuring entity/Company <i>Bên mời thầu/Công ty</i> | Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company <i>Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin</i> |
| ITB <i>CDNT</i> | Instruction to Bidders <i>Chỉ dẫn Nhà thầu</i> |
| Contract <i>Hợp đồng</i> | Coal Sales and Purchase Contract <i>Hợp đồng mua bán than</i> |
| PQ <i>ST</i> | Pre-qualification <i>Sơ tuyển</i> |
| PQ Application <i>HSDST</i> | Pre-qualification Application <i>Hồ sơ dự sơ tuyển</i> |
| PQD <i>HSMST</i> | Pre-qualification Documents <i>Hồ sơ mời sơ tuyển</i> |
| Framework Agreement <i>Thỏa thuận khung</i> | An agreement signed between Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company and the Bidders named in the Shortlist <i>Là thỏa thuận được ký giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin và Nhà thầu có tên trong Danh sách ngắn</i> |
| USD | US Dollar <i>Đô la Mỹ</i> |
| VND | Viet Nam Dong <i>Việt Nam Đồng</i> |

#

CHAPTER I. INSTRUCTION TO BIDDERS/ *CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU*

1. Purpose/*Mục đích*

The Company applies the Shortlist as method of coal supplier selection to select oversea-produced coal supplier in the Third Quarter - Fourth Quarter of 2023 for production and business activities of the Company.

Công ty áp dụng hình thức lựa chọn nhà cung cấp than theo Danh sách ngắn nhằm lựa chọn nhà cung cấp than nhập khẩu Quý III - Quý IV năm 2023 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Detailed process/*Quy trình chi tiết*

- Pre-qualification process: The Procuring entity will pre-qualify the Bidders who meet the requirements on the qualifications and experience in coal supply, etc. at the request of the Procuring entity to establish a Shortlist. The Company and Shortlisted Bidders will sign the Framework Agreement but this process is not the final step in the coal supplier selection process and the Procuring entity will not award the Contract at this step. The Shortlist will be updated regularly through re-evaluating the qualifications and experience of the Shortlisted Bidders and those who do not meet the criteria will be removed from the Shortlist.

Quy trình sơ tuyển: Bên mời thầu sẽ sơ tuyển các Nhà thầu đáp ứng đủ yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm cung cấp than, v.v theo yêu cầu của Bên mời thầu để thiết lập Danh sách ngắn. Công ty và các Nhà thầu lọt vào Danh sách ngắn sẽ ký Thỏa thuận khung nhưng không phải là quy trình lựa chọn ra Nhà thầu cung cấp than cuối cùng và không trao Hợp đồng tại bước này. Danh sách ngắn sẽ được cập nhật thường xuyên thông qua thực hiện đánh giá lại năng lực và kinh nghiệm của các Nhà thầu có tên trong Danh sách ngắn và những Nhà thầu không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện sẽ bị loại khỏi Danh sách ngắn.

- RFQ: Based on the Company's plan to purchase oversea-produced coal, the Procuring entity will request the Shortlisted Bidder to submit a Quotation for the required quantity of coal. The Bidder ranked first in the Quotation evaluation process will be considered and invited to negotiate the Contract.

Bản YCBG: Căn cứ vào kế hoạch mua than nhập khẩu của Công ty, Bên mời thầu sẽ yêu cầu Nhà thầu trong Danh sách ngắn gửi Báo giá cho khối lượng than cần thiết. Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất trong quá trình đánh giá Báo giá sẽ được xem xét, mời vào thương thảo Hợp đồng.

3. Information about the goods and the conditions for the delivery of the goods/*Thông tin về hàng hóa và các điều kiện đối với việc cung cấp hàng hóa*

- 3.1. Commodities: Thermal coal and other types of coal produced abroad. Types of coal and specifications of coal as specified in the RFQ.

Hàng hóa: Than nhiệt và các loại than khác sản xuất tại nước ngoài. Chúng loại

than và thông số kỹ thuật của than theo quy định cụ thể tại Bản YCBG.

3.2. Quantity: Approximately 1,600,000 metric tons +/- 10%.

Khối lượng: Khoảng 1.600.000 tấn +/- 10%.

3.3. Supply schedule: 3rd Quarter – 4th Quarter/2023.

Tiến độ cung cấp: Quý III - Quý IV/2023.

3.4. Terms of delivery: CFR or CIF or other terms according to Incoterms 2020 and other terms and conditions specified in this PQD and the RFQ.

Điều kiện cơ sở giao hàng: CFR hoặc CIF hoặc các điều kiện khác theo Incoterms 2020 và các điều khoản, điều kiện khác được quy định tại HSMST này và Bản YCBG.

3.5. Other conditions: as specified in the RFQ.

Các điều kiện khác: Theo quy định cụ thể tại Bản YCBG.

4. Preparation and submission of PQ Application/Chuẩn bị và nộp HSDST

Bidders must submit all required documents in this PQD.

Nhà thầu phải nộp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu tại HSMST này.

5. Detailed instructions/Các chỉ dẫn chi tiết:

| | |
|----------------------------------|---|
| 5.1. PQ Application HSDST | The PQ Application include the following contents: <i>HSDST sẽ bao gồm các nội dung sau:</i> a) Letter of PQ Application; <i>Đơn dự sơ tuyển;</i> b) Consortium Agreement (for any Bidder in a Consortium); <i>Thỏa thuận Liên danh (đối với trường hợp Nhà thầu liên danh);</i> c) Documents proving the eligibility of signatory in Letter of PQ Application; <i>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký Đơn dự sơ tuyển;</i> d) Documents evidencing the eligibility of Bidder and proof of Bidder's qualifications and experience as required in Chapter II - Evaluation Criteria. <i>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của Nhà thầu và chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu dự thầu theo yêu cầu trong Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá;</i> e) Other contents (if any) <i>Các nội dung khác (nếu có).</i> |
|----------------------------------|---|

| | |
|--|--|
| | <p>Bidders applying for pre-qualification must prepare a Letter of PQ Application and corresponding tables according to the forms specified in Chapter III – Pre-Qualification Forms</p> <p><i>Nhà thầu dự sơ tuyển phải lập Đơn dự sơ tuyển và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu dự sơ tuyển.</i></p> <p>Bidder must not change any information/form in the Form except filling in the blanks. If Bidder arbitrarily changes any part or does not follow the instructions in the Forms, the PQ Application may be disqualified.</p> <p><i>Nhà thầu dự sơ tuyển không được thay đổi bất kỳ thông tin/hình thức nào trong Biểu mẫu ngoại trừ việc điền vào chỗ trống. Nếu Nhà thầu tự ý thay đổi bất kỳ phần nào hoặc không tuân theo chỉ dẫn tại các Biểu mẫu, HSDST có thể bị loại.</i></p> |
| <p>5.2. Letter of PQ Application <i>Đơn dự sơ tuyển</i></p> | <p>The Letter of PQ Application, additional documents, and clarification documents must bear the signature and seal of the legal representative of the Bidder. The authorized representative must obtain a Power of Attorney.</p> <p><i>Đơn dự sơ tuyển, tài liệu bổ sung, tài liệu làm rõ phải có chữ ký và con dấu của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu dự thầu. Người đại diện theo ủy quyền phải có Giấy ủy quyền.</i></p> <p>In the case the Bidder is a consortium, the Letter of PQ Application must bear the signatures and seals of the legal representatives of all the Consortium members or the head member of the Consortium according to the Consortium Agreement. In case the leading member of the Consortium authorizes another person to sign the Letter of PQ Application, additional documents, and clarification documents, a Power of Attorney must be attached.</p> <p><i>Trường hợp là Nhà thầu liên danh thì Đơn dự sơ tuyển phải có chữ ký và con dấu của các đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện của liên danh Nhà thầu đó. Trong trường hợp thành viên đứng đầu liên danh ủy quyền cho một người khác ký Đơn dự sơ tuyển, tài liệu bổ sung, tài liệu làm rõ thì phải có Giấy ủy quyền kèm theo.</i></p> |
| <p>5.3. Language of PQ</p> | <p>The PQ Application, as well as all PQ Application-related correspondence and documents exchanged between the Bidder and the Procuring entity, shall be written in English</p> |

| | |
|---|---|
| <p>Application</p> <p><i>Ngôn ngữ của HSDST</i></p> | <p>or bilingual in English and Vietnamese.</p> <p><i>HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST được trao đổi giữa Nhà thầu và Bên mời thầu sẽ được viết bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.</i></p> <p>In case the PQ Application is in English and Vietnamese, if there is any difference between the English and Vietnamese versions, the English version shall prevail.</p> <p><i>Trường hợp HSDST bằng song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, nếu có bất kỳ sự sai khác nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.</i></p> <p>The documents and supporting documents in the PQ Application can be in other languages but they are required to accompany with the related notarized English translation.</p> <p><i>Đối với các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt hoặc tiếng Anh, nhưng phải kèm theo bản dịch tiếng Anh có công chứng.</i></p> |
| <p>5.4. PQ Application validity</p> <p><i>Thời hạn có hiệu lực của HSDST</i></p> | <p>The validity period of PQ Application shall be 120 (one hundred and twenty) days from the submission deadline of PQ Application. The PQ Application with shorter validity period than specified will not be continued to be considered and assessed.</p> <p><i>Thời hạn có hiệu lực của HSDST là 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDST. HSDST có thời hạn hiệu lực ngắn hơn sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</i></p> |
| <p>5.5. Pre-qualification guarantee</p> <p><i>Bảo đảm dự sơ tuyển</i></p> | <p>Not required</p> <p><i>Không yêu cầu</i></p> |
| <p>5.6. Cost of submitting PQ Application</p> <p><i>Chi phí dự sơ tuyển</i></p> | <p>The Bidder shall bear all costs associated with the preparation and submission of its PQ Application, until there is pre-qualification result available or the signing of Framework Agreement. In all cases, the Procuring entity shall not be responsible or liable for those cost incurred by Bidder in PQ process.</p> <p><i>Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDST, cho đến khi có kết quả sơ tuyển hoặc ký kết Thỏa thuận khung. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ</i></p> |

| | |
|---|--|
| | <i>không phải chịu trách nhiệm hay có nghĩa vụ về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của Nhà thầu.</i> |
| 5.7. Clarification of PQD Làm rõ HSMST | <p>Bidder may request in writing for clarification of the PQD, the criteria for qualification and experience or any other aspects of the PQD no later than seven (07) working days prior to submission deadline of PQ Application. When the Procuring Entity receives the request for clarification from the Bidder before the submission deadline specified as above, the Procuring entity will respond in writing to any request for clarification. The Procuring entity shall forward copies of its response via email to all Bidders who have acquired the PQD directly from the Procuring entity as well as publish on Company's website, including a description of the request but without identifying required Bidder. Should the Procuring entity deem it necessary to amend the PQD as a result of a clarification, it shall do so in accordance with Section 5.8 below.</p> <p><i>Trong vòng tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước thời điểm hết hạn nộp HSDST, Nhà thầu có thể gửi văn bản đề nghị làm rõ HSMST về Tiêu chí đánh giá năng lực và kinh nghiệm hay bất kỳ nội dung nào tại HSMST. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMST của Nhà thầu trước thời hạn nêu trên, Bên mời thầu sẽ trả lời bằng văn bản tất cả các yêu cầu làm rõ HSMST. Bên mời thầu cũng sẽ gửi văn bản làm rõ HSMST qua email cho tất cả Nhà thầu đã nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu đồng thời đăng tải lên website của Công ty, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMST theo thủ tục quy định tại Mục 5.8 dưới đây.</i></p> |
| 5.8. Amendment of PQD Sửa đổi HSMST | <p>At any time prior to the submission deadline of PQ Application, according to Company decision or result of clarification of PQD, the Procuring entity may, on its own initiative, amend the PQD, notify in writing via email to all prospective Bidders who have obtained the PQD directly from the Procuring entity, and publish on the Company's website.</p> <p><i>Trước thời điểm hết hạn nộp HSDST, theo quyết định của Công ty hoặc kết quả làm rõ theo yêu cầu của Nhà thầu, Bên mời thầu có thể sửa đổi HSMST và sẽ gửi Thông báo sửa đổi bằng văn bản qua email tới tất cả Nhà thầu đã nhận HSMST</i></p> |

| | |
|---|---|
| | <p><i>trực tiếp từ Bên mời thầu đồng thời đăng tải lên website của Công ty.</i></p> <p>Any amendment to be issued shall be deemed to be part of the PQD and will be notified in writing via email to all Bidders who have received the PQD directly from Procuring entity and will be published on the Company’s website. The Bidder must notify the Procuring entity in writing that it has received the revised document by one of the following methods: in person, by post, fax, or e-mail.</p> <p><i>Bất kỳ văn bản sửa đổi nào được ban hành được coi là một phần của HSMST và sẽ được thông báo bằng văn bản qua email cho tất cả các Nhà thầu đã nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu đồng thời được đăng tải lên website của Công ty. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</i></p> <p>At its discretion, the Procuring Entity may extend the submission deadline of PQ Application in case of modification of the PQD, and the extension period shall be at least 05 (five) working days from the date of amendment of the PQD. The extension of the deadline for submitting the PQ Application must be clearly stated in the document amending the PQD.</p> <p><i>Theo quyết định của mình, Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDST trong trường hợp sửa đổi HSMST, thời gian gia hạn tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày sửa đổi HSMST. Việc gia hạn thời hạn nộp HSDST phải được quy định rõ trong văn bản sửa đổi HSMST.</i></p> |
| <p>5.9. Format and signing of PQ Application <i>Quy cách và chữ ký trong HSDST</i></p> | <p>- The Bidder shall prepare one (01) original of the PQ Application including all documents mentioned in Section 5.1, zero (00) copy and one (01) USB containing digital file of all part of its PQ Application. The cover of the documents comprising the PQ Application shall be clearly marked “ORIGINAL OF PQ APPLICATION” or “COPY OF PQ APPLICATION”.</p> <p><i>Nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc HSDST bao gồm các tài liệu theo quy định tại Mục 5.1, không (00) bản sao và các bản mềm có chứa các tệp điện tử của tất cả các phần của HSDST trong một (01) USB. Bìa của các tài liệu trong HSDST phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN”,</i></p> |

“BẢN SAO HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN”.

- If there are any modification or substitution of the PQ Application, the Bidder shall prepare one (01) original of the modified/substitute PQ Application. The cover of documents shall be clearly marked “MODIFIED ORIGINAL OF PQ APPLICATION”, “MODIFIED COPY OF PQ APPLICATION”, “SUBSTITUTE ORIGINAL OF PQ APPLICATION”, “SUBSTITUTE COPY OF PQ APPLICATION”.

Trong trường hợp có sửa đổi hoặc thay thế đối với HSDST, Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc sửa đổi/thay thế. Bìa của các tài liệu phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI”, “BẢN SAO HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ”, “BẢN SAO HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ”.

- The Bidder shall be responsible for the discrepancy between the original and the copies. In the event of any discrepancy between the original and the copies, the original shall prevail.

Nhà thầu dự thầu phải chịu trách nhiệm về sự khác biệt giữa bản gốc và bản sao. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản gốc và bản sao, thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

- The original of PQ Application shall be typed or written in indelible ink.

Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai.

- If the Bidder is a Consortium, the PQ Application must bear the signatures of the legal representatives or all Consortium members or the head member representing the Consortium according to the Consortium Agreement. In order to ensure that all Consortium members are legally bound, the Consortium Agreement must bear the signatures of the legal representatives of all Consortium members and clearly specify that all Consortium members are jointly and several liable to implement the Contract if awarded.

Trường hợp là Nhà thầu liên danh thì HSDST phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc tất cả các thành viên của Liên danh hoặc thành viên đại diện Nhà thầu liên danh theo Thỏa thuận Liên danh. Để đảm bảo tất cả các thành viên của Liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản Thỏa thuận Liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp

| | |
|--|---|
| | <p><i>pháp của tất cả các thành viên trong Liên danh và quy định rõ rằng tất cả các thành viên của Liên danh chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ khi thực hiện nếu được trao Hợp đồng.</i></p> <p>- Any interlineations, erasures, or overwriting shall be valid only if they are signed or initiated at the same page by the person signing the PQ Application.</p> <p><i>Những chữ được ghi thêm, tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Đơn dự sơ tuyển.</i></p> <p>- Copies specified in this PQD shall be construed as certified copies. For documents that the Bidder does not keep the originals (Bill of Lading, Certificate of Origin, etc) or documents that cannot be authenticated by law, the Bidder shall submit a copy signed by the person signing the Pre-qualification Form and sealed (if any).</p> <p><i>Bản sao được quy định trong HSMST này đều được hiểu là Bản sao có chứng thực. Đối với các tài liệu mà Nhà thầu không có bản gốc (ví dụ: Vận tải đơn, Chứng thư xuất xứ...) hoặc các tài liệu không thể chứng thực được theo quy định pháp luật, thì Nhà thầu nộp bản sao có chữ ký xác nhận của người ký Đơn dự sơ tuyển và đóng dấu (nếu có).</i></p> <p>- In some cases, the Bidder may submit original documents to prove qualification and experience.</p> <p><i>Trong một số trường hợp, Nhà thầu có thể nộp bản gốc các tài liệu kèm theo để chứng minh năng lực, kinh nghiệm.</i></p> |
| <p>5.10. Sealing and Marking of PQ Application <i>Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST</i></p> | <p>- The PQ Application envelope contains the original and the copies and the outer envelope is clearly marked “PQ APPLICATION”</p> <p><i>Túi đựng HSDST bao gồm bản gốc và các bản sao, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN”.</i></p> <p>- If there is any modification or substitution of PQ Application, the modified or substitute documents (including the original and the copies) shall be put into separate envelopes and the outer envelopes are clearly marked “MODIFIED PQ APPLICATION”, “SUBSTITUTE PQ APPLICATION”.</p> <p><i>Trường hợp Nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDST, hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và bản sao) phải được đựng trong các túi riêng biệt, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY</i></p> |

THẺ”.

- These envelopes, containing PQ Application, Modified PQ Application, Substitute PQ Application (if any) shall be sealed. The sealing of envelopes shall comply with regulations provided by the Bidder.

Các túi đựng HSDST, HSDST sửa đổi, HSDST thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo các quy định riêng của Nhà thầu.

The outer envelopes shall:

Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Bear the name and address of the Bidder;

Ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu;

b) Bear the name and address of the Procuring entity;

Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định dưới đây;

c) Bear the name of the PQ Application; and

Ghi tên của HSDST; và

d) Bear a warning “Do not open before the time for PQ Application opening” regarding envelopes of PQ Application, Modified PQ Application, or Substitute PQ Application (if any).

Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm mở thầu” trên các túi đựng của HSDST, HSDST sửa đổi hoặc HSDST thay thế (nếu có).

- In case the outer envelopes does not bear the information as prescribed above or bear wrong information as prescribed above, leading to the Procuring entity's inability to determine the origin and purpose of the submitted documents, the Procuring entity will refuse to receive the documents and shall not be responsible for not receiving the PQ Application.

Trường hợp bên ngoài túi đựng HSDST không ghi hoặc ghi sai các thông tin theo quy định trên đây dẫn đến việc Bên mời thầu không xác định được nguồn gốc và mục đích của tài liệu gửi đến, Bên mời thầu sẽ từ chối nhận tài liệu này và không phải chịu trách nhiệm về việc không tiếp nhận HSDST của Nhà thầu.

- Bidder must be responsible for consequences or disadvantages if it does not follow the provisions of this PQD such as failing to seal or losing the seal during transportation

| | |
|--|--|
| | <p>to the Procuring entity, failing to correctly write the information on the outer envelope in accordance with the above provisions. Procuring entity will not be responsible for the confidentiality of the PQ Application if the Bidder does not comply with the above provisions.</p> <p><i>Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng hồ sơ theo các quy định trên. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu Nhà thầu không tuân thủ các quy định trên.</i></p> |
| <p>5.11. Submission deadline of PQ Application <i>Thời điểm hết hạn nộp HSDST</i></p> | <p>Submission deadline of PQ Application is at 14h00 (Hanoi time) on 14th June 2023.</p> <p><i>Thời điểm hết hạn nộp HSDST là lúc 14 giờ 00 (Giờ Hà Nội) vào ngày 14 tháng 06 năm 2023.</i></p> <p>The Procuring entity may extend the submission deadline of PQ Application by amending the PQD. In this case, all previous rights and obligations of the Procuring entity and Bidder will be changed according to the new extended deadline.</p> <p><i>Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp bằng cách sửa đổi HSMST. Trong trường hợp này, tất cả các quyền và nghĩa vụ của Bên mời thầu và Nhà thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời hạn mới được gia hạn.</i></p> <p>When extending the submission deadline of PQ Application, the Procuring entity shall notify in writing via email to the Bidders who have received PQD from the Procuring Entity or the Bidders who submitted the PQ Application, and at the same time, post the notice of extension of the deadline for submission on Company's website. The Bidder that has submitted its PQ Application can take back its PQ Application to amend and supplement. In case the Bidder submits a substitute PQ Application but has not received back or does not receive back initial PQ Application, the Procuring entity shall manage such PQ Application under the “confidential” dossier management regime until the results of pre-qualification are publicized.</p> <p><i>Khi gia hạn thời hạn nộp HSDST, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản qua email cho các Nhà thầu đã nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu hoặc đã nộp HSDST, đồng thời</i></p> |

| | |
|--|---|
| | <p><i>đăng tải thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDST trên website của Công ty. Nhà thầu đã nộp HSDST có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDST của mình. Trường hợp Nhà thầu nộp HSDST thay thế mà chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST ban đầu thì Bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật” cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.</i></p> |
| <p>5.12. Late submission of PQ Application <i>HSDST nộp muộn</i></p> | <p>PQ Application which are received by the Procuring entity after Submission deadline of PQ Application shall not be opened, and shall be invalid, disqualified and returned to the Bidder in its original condition. Any documents sent by Bidder after submission deadline of PQ Application to amend and supplement the submitted Application shall be invalid, except for documents sent by the Bidders to clarify the PQ Application as per the Procuring entity’s request or documents clarifying and supplementing to evidence the Bidder’s eligibility, qualification and experience as specified in Section 5.16 ITB.</p> <p><i>HSDST được gửi đến Bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp HSDST sẽ không được mở, không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho Nhà thầu theo nguyên trạng. Bất kỳ tài liệu nào được Nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDST để sửa đổi, bổ sung HSDST đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu Nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu quy định tại Mục 5.16 CDNT.</i></p> |
| <p>5.13. Modification, substitution or withdrawal of PQ Application <i>Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST</i></p> | <p>Upon submission, the Bidder may withdraw PQ Application by sending a written notice signed by the Bidder’s legal representative to Procuring entity before submission deadline of PQ Application.</p> <p><i>Sau khi nộp, Nhà thầu có thể rút lại HSDST bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của đại diện hợp pháp của Nhà thầu đến Bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSDST.</i></p> <p>Before submission deadline of PQ Application, if it is necessary to modify or substitute the PQ Application, the Bidder shall submit the substitution or modification of the PQ Application to the Procuring entity according to the prescribed specifications.</p> <p><i>Trước thời điểm hết hạn nộp HSDST, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDST thì Nhà thầu nộp HSDST thay thế hoặc</i></p> |

| | |
|---|---|
| | <p><i>HSDST sửa đổi cho Bên mời thầu theo quy cách quy định.</i></p> <p>Bidder is not allowed to modify, substitute or withdraw their PQ Application after the submission deadline of PQ Application.</p> <p><i>Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST sau thời điểm hết hạn nộp HSDST.</i></p> |
| <p>5.14. Submission venue <i>Địa điểm nộp</i></p> | <p>PQ Application must be delivered in sealed envelopes by hand or by post to Procuring entity: Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company</p> <p><i>Các HSDST cho HSMST phải đựng trong túi đựng niêm phong và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.</i></p> <p>Address: No.5, Phan Dinh Giot Street, Phuong Liet Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam.</p> <p><i>Địa chỉ: Số 5, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</i></p> <p>Phone/Điện thoại: 0243.664.1010</p> <p>Email: business@northerncoal.vn</p> |
| <p>5.15. Opening of PQ Application <i>Mở HSDST</i></p> | <p>The Procuring entity shall open all PQ Application submitted properly and submitted before submission deadline of PQ Application (except for PQ Application that the Bidder requests to withdraw, PQ Application for which is substituted by the Bidder before submission deadline of PQ Application) at the time and place as follows:</p> <p><i>Bên mời thầu sẽ mở tất cả các HSDST đúng quy cách và được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDST (ngoại trừ các HSDST mà Nhà thầu yêu cầu rút, các HSDST đã được Nhà thầu thay thế trước thời điểm hết hạn nộp HSDST) vào thời gian và địa điểm như sau:</i></p> <p>Time: 14h10 on 14th June 2023.</p> <p><i>Thời gian: 14 giờ 10 ngày 14/06/2023.</i></p> <p>Address: Head Office of Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company at: No.5, Phan Dinh Giot Street, Phuong Liet Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam.</p> <p><i>Địa chỉ: Văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin tại: Số 5, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt</i></p> |

| | |
|--|---|
| | <p><i>Nam.</i></p> <p>PQ Application opening is not subject to the presence or absence of the Bidder's representative. The Procuring entity shall make a record of opening the PQ Application, which will at least include the Bidder's name and information. A copy of the Record of PQ Application opening will be sent to all Bidders participating in the bid.</p> <p><i>Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện Nhà thầu. Bên mời thầu sẽ lập biên bản mở các HSDST, trong đó tối thiểu sẽ bao gồm thông tin, tên của Nhà thầu. Bản sao biên bản mở HSDST sẽ được gửi cho tất cả các Nhà thầu tham dự thầu.</i></p> |
| <p>5.16. Clarification of PQ Application</p> <p><i>Làm rõ HSDST</i></p> | <p>After opening PQ Application, the Bidder is responsible for clarifying PQ Application at the request of the Procuring entity. Any request for clarification of the Procuring entity and any response of the Bidder shall be in writing.</p> <p><i>Sau khi mở HSDST, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của Nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản.</i></p> <p>In the event that PQ Application lacks documents proving eligibility, qualification and experience of the Bidder as required in the PQD, the Procuring entity shall request the Bidder to clarify and supplement that documentary evidence. The Bidder shall notify the Procuring entity of the receipt of the request for clarification in writing, by post, by fax or email.</p> <p><i>Trong trường hợp HSDST của Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm theo yêu cầu trong HSMST thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, qua đường bưu điện, fax hoặc email.</i></p> <p>Regarding clarification in terms of the Bidder's eligibility, qualification, experience or other requirements, if the deadline for clarification expires, but the Bidder fails to send any clarification or the clarification does not satisfy requirements of the Procuring entity, the Procuring entity shall evaluate the PQ Application sent prior to the</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>submission deadline of PQ Application and submitted documents for clarification by the Bidder (if any).</p> <p><i>Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm hoặc yêu cầu khác của HSDST nếu quá thời hạn làm rõ theo yêu cầu của Bên mời thầu mà Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của Nhà thầu theo HSDST nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDST và các tài liệu làm rõ mà Nhà thầu đã nộp (nếu có).</i></p> |
| <p>5.17. Đánh giá HSDST <i>Evaluation of PQ Application</i></p> | <p>The evaluation of PQ Application will be carried out according to the evaluation process and criteria specified in Chapter II. Evaluation criteria. The Procuring entity will use the "Pass" or "Fail" criteria to evaluate the PQ Application. Bidders whose PQ Application meet the requirements on qualification and experience will be invited to negotiate the Framework Agreement.</p> <p><i>Việc đánh giá các HSDST sẽ được thực hiện theo quy trình và tiêu chí đánh giá theo quy định tại Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá. Bên mời thầu sẽ sử dụng các tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt" để đánh giá HSDST. Nhà thầu có HSDST đáp ứng được các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm sẽ được mời vào thương thảo Thỏa thuận khung.</i></p> |
| <p>5.18. Negotiating the Framework Agreement <i>Thương thảo Thỏa thuận khung</i></p> | <p>The negotiation of the Framework Agreement shall be terminated in the following cases:</p> <p><i>Việc thương thảo Thỏa thuận khung chấm dứt trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) After the expiration of the negotiation time limit specified in the Invitation for negotiation of Framework Agreement, the parties do not complete the signing of the Minutes of Negotiation of Framework Agreement for any reason, and the Procuring entity does not agree to extend the negotiation time limit.</p> <p><i>Hết thời hạn ghi trong Thông báo mời thương thảo thỏa thuận khung mà các bên không hoàn thành việc ký kết Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung vì bất kỳ lý do nào, và Bên mời thầu không đồng ý gia hạn thời hạn thương thảo;</i></p> <p>b) After the expiration of the negotiation time limit specified in the Notice of invitation to negotiate, the Procuring entity cannot contact or does not receive a response from the</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>Bidder, except for force majeure cases and the Procuring entity has received a notice of force majeure from the Bidder before this deadline.</p> <p><i>Hết thời hạn thương thảo ghi trong Thông báo mời thương thảo mà Bên mời thầu không thể liên hệ hoặc nhận được phản hồi từ Nhà thầu, trừ trường hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Nhà thầu trước thời hạn này.</i></p> <p>c) The Bidder proposes to change the basic contents of the Framework Agreement or/and the main contents and basic contents of the PQ Application without approval of the Procuring entity.</p> <p><i>Nhà thầu đề xuất thay đổi các nội dung cơ bản của Thỏa thuận khung hoặc/và các nội dung chính, nội dung cơ bản của HSDST mà không được sự chấp thuận của Bên mời thầu.</i></p> |
| <p>5.19. Public Shortlist</p> <p><i>Công khai Danh sách ngắn</i></p> | <p>The Procuring entity will send notice of pre-qualification results to all Bidders by post or email. Notice of pre-qualification results includes:</p> <p><i>Bên mời thầu sẽ gửi thông báo về kết quả sơ tuyển cho tất cả Nhà thầu qua đường bưu điện hoặc email. Nội dung thông báo kết quả sơ tuyển Nhà thầu:</i></p> <p>a) Name of the PQD;</p> <p><i>Tên của HSMST;</i></p> <p>b) Shortlist of pre-qualified Bidders;</p> <p><i>Danh sách ngắn của các Nhà thầu trúng sơ tuyển;</i></p> <p>c) Address of the Bidders who passed the pre-qualification;</p> <p><i>Địa chỉ của các Nhà thầu trúng sơ tuyển;</i></p> <p>Within 03 working days from the date of receiving notice of pre-qualification results, if the Bidder who is not pre-qualified has a written request about the reason for not being pre-qualified, within 03 working days from the date the Procuring entity receives request for explanation from Bidder, the Procuring entity must send a written reply to the Bidder.</p> <p><i>Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc từ ngày nhận được thông báo về kết quả sơ tuyển Nhà thầu, nếu Nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên mời thầu nhận được yêu cầu giải thích của Nhà thầu, Bên mời thầu</i></p> |

| | |
|---|--|
| | <i>phải có văn bản trả lời gửi cho Nhà thầu.</i> |
| 5.20. Signing the Framework Agreement <i>Ký kết Thỏa thuận khung</i> | <p>The Bidder must sign the Framework Agreement within the specified time according to the notice of the Procuring entity, except for the force majeure event specified and the Procuring entity has received the notice of force majeure from the Bidder prior to the deadline to complete the signing of the Framework Agreement. Otherwise, such Bidder will be removed from the Shortlist.</p> <p><i>Nhà thầu phải tiến hành ký kết Thỏa thuận khung trong thời gian quy định theo thông báo của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Nhà thầu trước thời hạn cuối cùng phải hoàn thiện ký kết Thỏa thuận khung. Nếu không, Nhà thầu đó sẽ bị loại khỏi Danh sách ngắn.</i></p> |
| 5.21. No obligation to buy <i>Không hình thành nghĩa vụ mua</i> | <p>The signing of the Framework Agreement shall not create any obligation for the Company to purchase coal under the Framework Agreement.</p> <p><i>Việc ký kết Thỏa thuận khung sẽ không hình thành bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Công ty trong việc mua than theo Thỏa thuận khung.</i></p> |
| 5.22. Modification of the Framework Agreement <i>Sửa đổi thỏa thuận khung</i> | <p>The Framework Agreement may be amended and supplemented by agreement between the Company and the Bidder and is represented by an appendix of the Framework Agreement signed by the legal representatives of the Parties.</p> <p><i>Thỏa thuận khung có thể được sửa đổi, bổ sung theo thống nhất giữa Công ty và Nhà thầu và được thể hiện bằng phụ lục thỏa thuận khung được ký bởi đại diện hợp pháp của các Bên.</i></p> |
| 5.23. Settlement of proposals in bidding <i>Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</i> | <p>When finding that its legitimate rights and interests are affected, the Bidder has the right to submit a petition about issues during the Bidder pre-qualification process and the Bidder's prequalification results to the Company.</p> <p><i>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, Nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển Nhà thầu và kết quả sơ tuyển Nhà thầu đến Công ty.</i></p> <p>Address to receive petitions as Section 5.14. <i>Địa chỉ nhận đơn kiến nghị như Mục 5.14.</i></p> |

| | |
|---|---|
| <p>5.24. Right to accept or refuse PQ Application</p> <p><i>Quyền chấp nhận hoặc từ chối HSDST</i></p> | <p>Company has the right to refuse any Bidder, any PQ Application or all Bidders, all PQ Applications and cancel the PQ process at any time without liability to Bidder in the following cases:</p> <p><i>Công ty có quyền từ chối, loại bất kỳ Nhà thầu, bất kỳ HSDST hoặc tất cả Nhà thầu, tất cả HSDST và hủy bỏ quy trình sơ tuyển vào bất kỳ thời gian nào mà không phải chịu trách nhiệm đối với Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) PQ Applications do not meet requirements of PQD; <i>HSDST không đáp ứng được các yêu cầu của HSMST;</i></p> <p>b) Changing the purpose stated in PQD; <i>Thay đổi mục đích đã ghi trong HSMST;</i></p> <p>c) There are fewer than 03 Bidders meeting requirements as required by PQD; <i>Có ít hơn 03 Nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMST;</i></p> <p>d) Bidder provides dishonest information in the PQ Application; <i>Nhà thầu cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDST;</i></p> <p>e) There is evidence of giving, receiving, brokering bribes, colluding bids, cheating, taking advantage of positions and powers to illegally interfere in bidding activities, leading to falsifying pre-qualification results; <i>Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả sơ tuyển;</i></p> <p>f) Bidder violates any regulations under the Company's process of purchasing oversea-produced coal by Shortlist method. <i>Nhà thầu vi phạm bất kỳ quy định nào theo quy trình mua than nhập khẩu theo hình thức lựa chọn Nhà cung cấp theo Danh sách ngắn của Công ty.</i></p> <p>g) Other cases at the Company's decision. <i>Các trường hợp khác theo quyết định của Công ty.</i></p> <p>Organizations and individuals violate regulations on Bidder selection will be handled in accordance with law. If the Bidder is handled for violations during the bidding process,</p> |
|---|---|

| | |
|---|---|
| | <p>it will be considered for inclusion in the list of prohibited participation in bidding issued by the Company.</p> <p><i>Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về lựa chọn Nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định về xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Nếu Nhà thầu bị xử lý vi phạm trong quá trình đấu thầu sẽ bị xem xét đưa vào danh sách cấm tham gia đấu thầu do Công ty ban hành.</i></p> |
| <p>5.25. Selection of Bidders</p> <p><i>Tổ chức lựa chọn Nhà thầu</i></p> | <p>After completing the pre-qualification process, depending on the demand of Company, the Procuring entity will send the RFQ to all the shortlisted Bidders.</p> <p><i>Sau khi hoàn tất quy trình sơ tuyển, tùy thuộc vào nhu cầu của Công ty, Bên mời thầu sẽ tổ chức lựa chọn Nhà thầu và gửi Bản YCBG tới tất cả các Nhà thầu có tên trong Danh sách ngắn.</i></p> <p>The RFQ will include but is not limited to the following information:</p> <p><i>Bản YCBG sẽ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin sau:</i></p> <p>a) Requirements on coal type, quantity, quality, supply schedule, delivery terms, transportation, inspection, payment ...</p> <p><i>Yêu cầu về chủng loại than, khối lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp, điều kiện giao hàng, điều kiện vận chuyển, giám định, thanh toán...</i></p> <p>b) Quotation preparation time;</p> <p><i>Thời gian chuẩn bị Báo giá;</i></p> <p>c) Validity period of quotation;</p> <p><i>Hiệu lực của báo giá;</i></p> <p>d) Contract Type;</p> <p><i>Loại hợp đồng;</i></p> <p>e) Bid security: [Required (Specify) or Not required]</p> <p><i>Bảo đảm dự thầu: [Có (ghi cụ thể) hoặc Không yêu cầu].</i></p> <p>f) Evaluation Criteria Quotation;</p> <p><i>Các tiêu chí đánh giá Báo giá;</i></p> <p>g) Any other relevant information.</p> <p><i>Bất kỳ thông tin liên quan khác.</i></p> |

| | |
|---|--|
| <p>5.26. Change in qualification and experience of Bidders</p> <p><i>Thay đổi Năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu dự thầu</i></p> | <p>Within 03 (three) working days since there is any change in the structure, organization, eligibility, qualification, experience of the Bidder selected to the Shortlist according to the evaluation criteria specified in Chapter II, the Bidder must send relevant information and documents to the Company and must be approved in writing by the Company before the time of signing the Coal Sales and Purchase Contract. This change will result in the Bidder being removed from the Shortlist and unable to continue participating in the bidding package if (i) the qualified and experienced Bidder proposes to associate with the disqualified Bidder or the Consortium is disqualified, or any member of the Consortium has been disqualified, (ii) the change causes the Bidder to no longer meet the requirement set forth in Chapter II. Evaluation Criteria regarding qualification, experience or other requirements of the PQD and RFQ or (iii) may result in a significant decrease in competition at the Company's discretion.</p> <p><i>Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi có bất kỳ thay đổi nào về cơ cấu, tổ chức, tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu được lựa chọn vào Danh sách ngắn theo các tiêu chí đánh giá được quy định trong Chương II, Nhà thầu phải gửi các thông tin, tài liệu liên quan cho Công ty và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty trước thời điểm ký Hợp đồng mua bán than. Việc thay đổi này sẽ dẫn đến Nhà thầu bị loại khỏi Danh sách ngắn và không được tiếp tục tham dự gói thầu nếu (i) Nhà thầu đủ năng lực, kinh nghiệm đề nghị liên kết với Nhà thầu bị loại hoặc Liên danh bị loại, hoặc bất kỳ thành viên nào của Liên danh đã bị loại, (ii) việc thay đổi khiến Nhà thầu không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn được quy định trong Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm hoặc các điều kiện khác của HSMST, Bản YCBG hoặc (iii) có thể dẫn đến sự sụt giảm cạnh tranh đáng kể theo quyết định của Công ty.</i></p> |
| <p>5.27. Event of force majeure</p> <p><i>Bất khả kháng</i></p> | <p>1. Force majeure mentioned in PQD is an event (referred as Force majeure event) which occurs in an objective manner, unforeseeable and uncontrollable even though the Party affected by the Force majeure Event has taken all necessary measures to remedy and which is a direct cause related to the non-performance or delayed performance of the obligations of each Party set out in this PQD.</p> <p><i>Bất khả kháng đề cập trong HSMST này được hiểu là các sự</i></p> |

kiện (gọi là sự kiện Bất khả kháng) xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể kiểm soát được mặc dù Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để khắc phục, là nguyên nhân trực tiếp liên quan đến việc không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ các nghĩa vụ của từng Bên được quy định tại HSMST này.

2. The obligation to notify:

Nghĩa vụ thông báo:

As soon as the force majeure event is determined, affected Party must notify the other party in accordance with the provisions below:

Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được xác định, Bên gặp sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo cho Bên kia theo đúng quy định dưới đây:

a) clearly state the obligations that the affected party is unable to perform;

nêu rõ các nghĩa vụ mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện;

b) fully describe the event of force majeure;

mô tả đầy đủ sự kiện Bất khả kháng;

c) estimate the time during which the force majeure will continue;

ước tính thời gian tiếp diễn của sự kiện Bất khả kháng;

d) specify the measures proposed to be adopted to remedy or abate damage of force majeure event;

chỉ rõ các biện pháp được đề xuất thông qua để khắc phục hoặc làm giảm mức độ thiệt hại của sự kiện bất khả kháng;

e) Affected Party shall, upon request from the other Party, provide information about impacts arising from force majeure event.

Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng phải cung cấp những thông tin về các ảnh hưởng do sự kiện Bất khả kháng theo yêu cầu từ Bên kia;

f) Affected Party must promptly notify the other Party when the force majeure has ceased.

Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng phải thông

báo ngay cho Bên kia khi tình huống bất khả kháng đã chấm dứt.

3. Force majeure for the Bidder:

Bất khả kháng đối với Nhà thầu:

- a) Only applicable to cases where the Bidder encounters force majeure specified in the PQD: If the Procuring entity receives a valid notice of force majeure of Bidder, the Bidder can not delay performance of obligations more than 05 days from the last date that it must perform its obligations as prescribed.

Chỉ áp dụng đối với các trường hợp Nhà thầu gặp bất khả kháng đã được ghi rõ trong HSMST: thời gian cho phép trì hoãn thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà thầu là 05 ngày kể từ ngày cuối cùng Nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định nếu Bên mời thầu nhận được thông báo hợp lệ về bất khả kháng của Nhà thầu.

- b) In case the affected Bidder fails to meet the requirements for force majeure events mentioned in this Article and other provisions mentioned in PQD, RFQ (if any), Bidder will be disqualified and dealt with PQD, Framework Agreement, RFQ and the law.

Trong trường hợp Nhà thầu bị ảnh hưởng không đáp ứng được yêu cầu về sự kiện Bất khả kháng nêu tại Điều này và các quy định khác nêu tại HSMST, Bản YCBG (nếu có), Nhà thầu sẽ bị loại và bị xử lý theo quy định tại HSMST, Thỏa thuận khung, Bản YCBG và quy định pháp luật.

4. Force majeure for the Procuring entity:

Bất khả kháng đối với Bên mời thầu:

- a) In any case, if the Procuring entity encounters force majeure: the permissible time for delaying the performance of its obligations is until the force majeure ends but not exceeding 20 days from the last time that the Procuring entity must perform its obligations as prescribed or a reasonable time, depending on the specific case.

Trong mọi trường hợp nếu Bên mời thầu gặp bất khả kháng: thời gian cho phép trì hoãn thực hiện các nghĩa vụ của mình là cho đến khi bất khả kháng kết thúc nhưng không quá 20 ngày kể từ thời điểm cuối cùng Bên mời thầu phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định hoặc

một thời gian hợp lý, tùy từng trường hợp cụ thể.

- b) In this case, the Bidder has the right to continue or not continue to participate in the Bidder selection process of the Company after the expiration of the time limit for performing the obligations of the Procuring entity; however, the Bidder shall notify in writing to the Procuring entity of the continuation or non-continuation of participation immediately after receiving the Procuring entity's notice of force majeure.

Trong trường hợp này, Nhà thầu có quyền tiếp tục hoặc không tiếp tục tham gia vào quy trình lựa chọn nhà thầu của Công ty sau khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ của Bên mời thầu; tuy nhiên, Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc tiếp tục hoặc không tiếp tục tham gia ngay sau khi nhận được thông báo về bất khả kháng của Bên mời thầu.

- c) Cancellation of Bidder selection due to force majeure

Hủy bỏ lựa chọn nhà thầu do bất khả kháng:

- (i) In case more than 20 days or a reasonable time, according to the decision of the competent person, but the Procuring entity has not continued to perform its obligations, the Bidder selection process shall be considered canceled;

Trường hợp quá 20 ngày hoặc một thời gian hợp lý, theo quyết định của người có thẩm quyền, mà Bên mời thầu vẫn chưa tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì quy trình lựa chọn nhà thầu coi như bị hủy bỏ;

- (ii) The Procuring entity may also announce the cancellation of the Bidder selection process if it determines that force majeure affects the objective, scope and schedule of initial coal supply.

Bên mời thầu cũng có thể tuyên bố hủy bỏ quy trình lựa chọn nhà thầu nếu xác định bất khả kháng ảnh hưởng tới mục tiêu, phạm vi, tiến độ cung cấp than ban đầu.

When canceling the selection of Bidder as prescribed in this Article, the Procuring entity shall not bear any responsibility to the Bidder.

Khi hủy bỏ lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều này, Bên mời thầu không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì đối với Nhà thầu.

5. Force majeure stipulated in this Section applies only to

| | |
|---|---|
| | <p>the pre-qualification process and the quotation process, not to the contract performance. For the contract performance phase, force majeure cases will be specified in the Framework Agreement, Draft Contract and agreed upon by the two parties through Contract negotiation.</p> <p><i>Trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục này chỉ áp dụng cho giai đoạn sơ tuyển và giai đoạn chào giá, không áp dụng đối với giai đoạn thực hiện hợp đồng. Đối với giai đoạn thực hiện hợp đồng, các trường hợp bất khả kháng sẽ được quy định cụ thể trong Thỏa thuận khung, Dự thảo hợp đồng và được hai bên thống nhất thông qua thương thảo Hợp đồng.</i></p> |
| <p>5.28. Notice Thông báo</p> | <p>Notices sent in accordance with the PQD and notices sent during the assessment process of the Bidder under the PQD are deemed to be received by the receiving party on (a) the date of the courier's confirmation of delivery, if delivered by post; (b) the date of delivery on the minutes of handover, if delivered by hand; (c) the date of successful faxing by confirmation of fax system, if sent by fax; or (d) the date that email was successfully sent, if sent by email.</p> <p><i>Thông báo gửi theo quy định tại HSMST và quá trình đánh giá Nhà thầu theo HSMST được coi là đã nhận bởi bên nhận vào (a) ngày có xác nhận đã gửi của hãng chuyển phát, nếu chuyển phát qua đường bưu điện; (b) ngày giao nhận trên biên bản giao nhận, nếu giao tận tay; (c) ngày xác nhận của hệ thống fax về việc fax thành công, nếu gửi bằng fax; hoặc (d) ngày theo xác nhận của email về việc email thành công, nếu gửi bằng email.</i></p> |
| <p>5.29. Applicable Law Luật áp dụng</p> | <p>The applicable law in the Bidder selection process is Vietnamese law.</p> <p><i>Luật áp dụng trong quá trình lựa chọn nhà thầu cung cấp than là pháp luật Việt Nam.</i></p> |

CHAPTER II. EVALUATION CRITERIA/ *CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ*

Section 1. Examination and Evaluation of the conformity of the PQ Application/*Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST*

1.1. Examination of the PQ Application/ *Kiểm tra HSDST*

Procuring entity shall check the conformity of the PQ Application, including:

Bên mời thầu sẽ kiểm tra tính hợp lệ của HSDST bao gồm:

- a) Check the number of originals and copies of PQ Application specified in Section 5.9 ITB

Kiểm tra số lượng bản gốc, bản sao HSDST quy định tại Mục 5.9 CDNT;

- b) Check out the components of the original PQ Application, including:

Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, bao gồm:

- Letter of PQ Application according to Section 5.2 ITB;

Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 5.2 CDNT;

- Documents proving the eligibility of signatory in Letter of PQ Application; power of attorney to sign the Letter of PQ Application (if any) as prescribed in Section 5.2 ITB;

Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển; giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có) theo quy định tại Mục 5.2 CDNT;

- Consortium Agreement (if any) according to Section 5.1 ITB;

Thỏa thuận liên danh (nếu có) theo quy định tại Mục 5.1 CDNT;

- Documents evidencing the eligibility of Bidder and proof of Bidder's qualifications and experience according to Section 5.1 ITB.

Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu theo quy định tại Mục 5.1 CDNT.

- c) Check the consistency of content between the original and the copy for the PQ Application evaluation process.

Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản sao để phục vụ quá trình đánh giá HSDST.

1.2. Evaluation of the conformity of the PQ Application:

Đánh giá tính hợp lệ của HSDST:

PQ Application is considered valid when all of the following requirements are met:

HSDST được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Original PQ Application is available;

✍

Có bản gốc HSDST;

- b) Having a Letter of PQ Application wet signed and sealed (if any) by legal representative of Bidder as required by PQD. For consortium Bidder, the Letter of PQ Application must be wet signed and sealed by legal representative of each Consortium member (if any) or the head member of consortium on behalf of Consortium (if any) under Consortium Agreement;

Có Đơn dự sơ tuyển được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMST. Đối với Nhà thầu liên danh, Đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký, đóng dấu (nếu có) theo Thỏa thuận Liên danh;

- c) Duration of Framework Agreement as stated in Letter of PQ Application: until the end of 31st December 2023;

Thời hạn của Thỏa thuận khung được nêu trong Đơn dự sơ tuyển: đến hết ngày 31/12/2023;

- d) Validity period of PQ Application is: at least 120 days from the submission deadline of PQ Application;

Thời hạn có hiệu lực của HSDST là: tối thiểu 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDST;

- e) Bidder is not listed on more than one PQ Application as the primary Bidder (independent Bidder or a member of a Consortium);

Nhà thầu không có tên trong nhiều HSDST với tư cách là Nhà thầu chính (Nhà thầu độc lập hoặc thành viên của Liên danh);

- f) Consortium Agreement is wet signed and sealed (if any) by legal representative of each consortium member and Consortium Agreement must clearly state specific work contents and estimated percentage of value assumed by each consortium member. The Consortium Agreement must be made according to Form No. 03 Chapter III - Pre-qualification Forms.

Thỏa thuận Liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và tỷ lệ giá trị đảm nhận ước tính mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Thỏa thuận Liên danh phải thực hiện theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu dự sơ tuyển;

- g) Bidder guarantees the eligibility under Section 2 Chapter II - Evaluation criteria;

Nhà thầu đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

Bidders with conforming PQ Application will be considered for evaluation in the next step in Section 3 – Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II - Evaluation criteria; ✕

Nhà thầu có HSDST hợp lệ sẽ được xem xét đánh giá trong bước tiếp theo tại Mục 3. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

For avoidance of doubt, Bidder must satisfy all conformity criteria. Bidder's failure to comply with any requirements in the conformity criteria will result in the disqualification of PQ Application and PQ Application will not be evaluated in the next steps.

Để tránh nghi ngờ, Nhà thầu phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đánh giá tính hợp lệ. Nhà thầu không đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào trong các tiêu chí đánh giá tính hợp lệ sẽ dẫn đến việc loại HSDST và HSDST sẽ không được đánh giá trong các bước tiếp theo.

Section 2. Eligibility of Bidder/Mục 2. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu

Bidders are considered eligible when they fully satisfy the following conditions:

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Bidder has an Enterprise Registration Certificate, Establishment Decision or equivalent document issued by a competent authority of the country where the Bidder is operating.

Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Bidder is independent financial accounting.

Hạch toán tài chính độc lập.

3. Bidder is not in the process of dissolution; not be concluded to be in bankruptcy or insolvent debt in accordance with the law.

Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

4. Bidder is not prohibited from bidding under the law on bidding and/or under the blacklist of the Bidders who are not allowed to participate in bidding packages issued by Procuring entity.

Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không nằm trong danh sách các Nhà thầu đang bị cấm tham dự các gói thầu do Bên mời thầu phát hành.

5. Ensuring competition in the market in terms of supply of goods, products and services.

Bảo đảm cạnh tranh trên thị trường về cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.

6. In case of Consortium, the Consortium must satisfy all of conditions below:

Trong trường hợp Nhà thầu liên danh, Liên danh phải đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây:

- The number of members in Consortium shall not exceed two (02) members; 

Số lượng thành viên trong Liên danh không quá hai (02) thành viên.

- All members shall be jointly and severally liable for execution of the entire package and contract;

Tất cả các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ trong việc thực hiện toàn bộ gói thầu và hợp đồng.

- The head member of Consortium shall be responsible for supplying at least 50% of the supplied coal quantity as required by the package and filling this percentage in Column E of Consortium Agreement and responsible for making at least 50% of the total offer price and filling this percentage in Column D of Consortium Agreement.

Thành viên đứng đầu của Liên danh sẽ chịu trách nhiệm cung cấp tối thiểu 50% khối lượng than được cung cấp theo yêu cầu của gói thầu và điền vào tỷ lệ này trong Cột E của Thỏa thuận Liên danh và chịu trách nhiệm thực hiện ít nhất 50% tổng giá cung cấp và điền vào tỷ lệ này trong Cột D của Thỏa thuận Liên danh.

Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder/Mục 3. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu

For a consortium, qualification and experience shall be determined by the overall qualification and experience of the consortium members, provided that each member of the Consortium meets the requirements on qualification and experience for their assigned part(s) of work in the Consortium. If any member of the Consortium does not meet the requirements on qualification and experience, the Consortium shall be considered as not meeting the requirements. The evaluation of Bidder's qualification and experience shall be conducted as evaluation criteria prescribed below. The Bidder is considered as having sufficient qualification and experience when satisfying all evaluation criteria.

Đối với Nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì Nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu. Việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây. Nhà thầu đủ năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chí sau đây:

EVALUATION TABLE OF QUALIFICATION AND EXPERIENCE
BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|---|--|---|---|---|---|--|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh | |
| 1. | History of failure to complete Contracts due to the fault of the Bidder <i>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu</i> | From January 01 st 2020 to the submission deadline of PQ Application, the Bidder has no incomplete contract due to the fault of the Bidder. <i>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm hết hạn nộp HSDST, Nhà thầu dự thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu</i> | Satisfied <i>Phải thỏa mãn yêu cầu này</i> | Not applicable <i>Không áp dụng</i> | Satisfied <i>Phải thỏa mãn yêu cầu này</i> | Not applicable <i>Không áp dụng</i> | Form No.05 <i>Mẫu số 05</i> |
| 2. | Financial capacity/ Năng lực tài chính: For evaluation purposes, the financial indicators of the Bidder in a currency other than USD will be converted into USD. At that time, the Bidder must provide copy of audited financial statements converted into USD by the competent authority (the audited financial statements report must use the exchange rate on the date of the financial statements and must clearly state the source of that exchange rate). In case the notarized financial statements have not been converted from raw currency to USD, the Procuring entity shall convert | | | | | | |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|---|--|---|---|---|---|---|--|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh | |
| <p>the currency in the financial statements into USD based on the selling rate announced by the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) at the date of issuance of the financial statements.</p> <p>Nhằm mục đích đánh giá, các chỉ tiêu về tài chính của Nhà thầu sử dụng đơn vị tiền tệ không phải là USD sẽ được quy đổi sang USD. Khi đó, Nhà thầu phải cung cấp bản sao báo cáo tài chính kiểm toán chuyển đổi sang USD bởi cơ quan có thẩm quyền (báo cáo tài chính kiểm toán được chuyển đổi phải sử dụng tỷ giá hối đoái vào ngày lập báo cáo tài chính và phải ghi rõ nguồn của tỷ giá hối đoái đó). Trường hợp báo cáo tài chính bản công chứng chưa thực hiện chuyển đổi từ nguyên tệ sang USD, Bên mời thầu sẽ thực hiện việc chuyển đổi đồng tiền trong báo cáo tài chính sang USD dựa trên tỷ giá bán ra do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại ngày phát hành báo cáo tài chính.</p> | | | | | | | |
| 2.1 | Financial performance Kết quả hoạt động tài chính | <p>The audited financial statements in 2020, 2021, 2022 shall be submitted to prove the healthy financial performance of the Bidder.</p> <p>Nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, 2022 để cung cấp thông tin chứng minh tài chính lành mạnh của Nhà thầu.</p> <p>Net asset value of Bidder in the</p> | <p>Satisfied</p> <p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p> | <p>Not applicable</p> <p>Không áp dụng</p> | <p>Satisfied</p> <p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p> | <p>Not applicable</p> <p>Không áp dụng</p> | <p>Form No.06</p> <p>Mẫu số 06</p> |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|---|---|--|--|---|---|---|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh | |
| | | <p>latest fiscal year prior to the submission deadline of PQ Application shall be positive.</p> <p><i>Giá trị tài sản ròng của Nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDST phải là dương.</i></p> <p>(Net asset value = Total assets – Total Liabilities).</p> <p><i>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ)</i></p> | | | | | |
| 2.2 | <p>Average annual revenue from production and business activities</p> <p><i>Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản</i></p> | <p>Average annual revenue from production and business activities (excluding VAT) in 2020, 2021, 2022 is at least 79,234,080 USD.</p> <p><i>Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm thuế</i></p> | <p>Satisfied</p> <p><i>Phải thỏa mãn yêu cầu này</i></p> | <p>Satisfied</p> <p><i>Phải thỏa mãn yêu cầu này</i></p> | <p>Not applicable</p> <p><i>Không áp dụng</i></p> | <p>Not applicable</p> <p><i>Không áp dụng</i></p> | <p>Form No 06</p> <p><i>Mẫu số 06</i></p> |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|--|---|---|---|--|---|---|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh | |
| | <i>xuất, kinh doanh</i> | VAT) trong năm 2020, 2021, 2022 tối thiểu là 79.234.080 USD. | | | | | |
| 3. | Experience of the Bidder/Kinh nghiệm của Nhà thầu | | | | | | |
| 3.1. | Experience in supplying similar goods (Applicable to Bidders who are not producers of goods in the PQD and the packages) <i>Kinh nghiệm cung cấp hàng hóa tương tự (Áp dụng đối với Nhà thầu không phải là nhà sản</i> | Bidders have successfully supplied at least 01 similar contract ⁽¹⁾ from January 1 st , 2020 to the submission deadline of PQ Application, in which the minimum performed quantity of each contract is 320,000 metric tons. <i>Nhà thầu đã cung cấp thành công tối thiểu là 01 hợp đồng tương tự⁽¹⁾ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm hết hạn nộp HSMST với khối lượng thực hiện tối thiểu của mỗi hợp</i> | Satisfied <i>Phải thỏa mãn yêu cầu này</i> | Satisfied <i>Phải thỏa mãn yêu cầu này</i> | Satisfied (applied for coal supply bidder equivalent to the percentage of undertaken tasks as specified in Consortium Agreement) <i>Phải thỏa mãn yêu cầu này (chỉ áp dụng cho Nhà thầu cung cấp than tương đương với phần công việc đảm nhận</i> | Not applicable <i>Không áp dụng</i> | Form No.07 (a) <i>Mẫu số 07 (a)</i> |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|--|---|-----------------------------------|---|--|---|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh |
| | <i>xuất ra hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu)</i> | <p>đồng là 320.000 tấn.</p> <p>The Bidder must submit copy following documents to prove Bidder's coal supply experience:</p> <p><i>Nhà thầu phải nộp bản sao các tài liệu sau đây để chứng minh kinh nghiệm cung cấp than của Nhà thầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Coal import and export contract, which shows the Bidder as the Seller; <i>Hợp đồng xuất nhập khẩu than, trong đó thể hiện Nhà thầu là Người bán;</i> - Bill of Lading (if terms of delivery show that the Seller is the charterer/transporter); | | | <i>theo quy định tại Thỏa thuận Liên danh)</i> | |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|---|--|---|---|--|---|--|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh | |
| | | <p>Vận tải đơn (nếu điều khoản giao hàng thể hiện Người bán là người thuê vận chuyển/người vận chuyển);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Certificate of Origin of the shipments; <p>Chứng thư xuất xứ của lô hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Commercial invoice. <p>Hóa đơn thương mại.</p> | | | | | |
| 3.2. | <p>Coal production capacity (Applicable to the Bidders who are producers of goods in the PQD and the packages)</p> <p>Năng lực sản</p> | <p>Bidder shall provide documents proving the capacity to produce goods similar in nature to the goods in the PQD and bidding packages⁽²⁾ that satisfy the following requirements:</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa tương tự về tính chất</p> | <p>Satisfied</p> <p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p> | <p>Satisfied</p> <p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p> | <p>Satisfied (applied for coal supply bidder equivalent to the percentage of undertaken tasks as specified in Consortium Agreement)</p> <p>Phải thỏa mãn</p> | <p>Not applicable</p> <p>Không áp dụng</p> | <p>Form No.07 (b)</p> <p>Mẫu số 07 (b)</p> |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|--|--|-----------------------------------|---|--|---|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh |
| | <p>xuất than (Áp dụng đối với Nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu)</p> | <p>với hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu⁽²⁾ đáp ứng yêu cầu như sau:</p> <p>- Average output per month in the latest year prior to the submission deadline of PQ Application is at least: 128,000 metric tons/month.</p> <p>Sản lượng trung bình một tháng trong năm gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDST đạt tối thiểu: 128.000 tấn/tháng.</p> <p>Remaining mining time: Minimum 1 year.</p> <p>Thời gian khai thác còn lại: Tối thiểu 1 năm.</p> <p>Remaing mining time = Remaining reserves of the</p> | | | <p>yêu cầu này (chỉ áp dụng cho Nhà thầu cung cấp than tương đương với phần công việc đảm nhận theo quy định tại Thỏa thuận Liên danh)</p> | |

| Criteria/Tiêu chí | | | Requirement/Yêu cầu | | | | Required document/ Tài liệu cần nộp |
|-------------------|----------------------|--|-----------------------------------|---|--|---|--|
| No Số | Description Mô tả | Requirement Yêu cầu | Single Bidder Nhà thầu độc lập | Consortium/ Nhà thầu Liên danh | | | |
| | | | | All members combined Tổng các thành viên liên danh | Each member Từng thành viên liên danh | At least one member Tối thiểu một thành viên liên danh | |
| | | mine(s) of the Bidder/(Average output per month in the latest year x 12 months) <i>Thời gian khai thác còn lại = Trữ lượng còn lại của (các) mỏ của Nhà thầu/(Sản lượng trung bình 1 tháng trong năm gần nhất x 12 tháng)</i> | | | | | |

In case the Bidder both produces and supplies (part of the goods supplied by the Bidder is produced by the Bidder, the remaining part is purchased by the Bidder from producers or other suppliers to supply for bidding packages), in addition to declaring production capacity according to Section 3.2, the Bidder must also declare experience in performing similar contracts according to Section 3.1 above. The evaluation of the Bidder's experience will be made on the basis of the contract for the supply of similar goods (corresponding to the part of the goods purchased by the Bidder from other producers or suppliers) and the production capacity of the Bidder (corresponding to the part of goods that the Bidder produces).

Trường hợp Nhà thầu vừa sản xuất, vừa cung cấp (một phần hàng hóa do Nhà thầu cung cấp là do Nhà thầu sản xuất, phần hàng hóa còn lại do Nhà thầu mua từ nhà sản xuất, nhà cung cấp khác để cung cấp cho các gói thầu), thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất theo Mục 3.2, Nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo Mục 3.1 trên đây. Việc đánh giá kinh nghiệm

của Nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà Nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của Nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà Nhà thầu tự sản xuất).

Notes/Ghi chú:

(1) Similar Contract shall:

Hợp đồng tương tự cần thỏa mãn:

- Be a contract for the supply of goods with the same Chapter code, Group code (corresponding to the first 4 digits of the code) in the HS (HS - Harmonized Commodity Description and Coding System) according to the Goods Classification System issued by the World Customs Organization WCO (collectively referred to as HS code). The goods of this PQD and the bidding packages is goods with HS code with the first 4 digits being 2701).

Hợp đồng có tính chất tương tự: là hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Đối với hàng hóa của HSMST này và các gói thầu là hàng hóa có mã HS với 4 số đầu tương ứng là 2701).

- Be a type of coal import and export contract in which the Bidder is the Seller of goods and the goods (coal) are exported from one country to another country for delivery to the Buyer of the contract (excluding sales contracts where goods are traded within the territory of a country).

Là loại hợp đồng xuất nhập khẩu than trong đó Nhà thầu là Người bán hàng và hàng hóa (than) được xuất khẩu từ một quốc gia này sang quốc gia khác để giao cho Người mua của hợp đồng (không bao gồm các hợp đồng mua bán mà hàng hóa được mua bán trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia).

(2) Goods similar in nature to goods in this PQD and bidding packages: Goods with HS code with the first 4 digits being 2701.

Hàng hóa tương tự về tính chất với hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu: Là hàng hóa có mã HS với 4 số đầu tương ứng là 2701.

**CHAPTER III. PRE-QUALIFICATION FORMS/ CHƯƠNG III.
BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN**

1. Form No.01: LETTER OF PQ APPLICATION⁽¹⁾/ Mẫu số 01: ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN⁽¹⁾

Date: ___ [insert date of signing of Letter of PQ Application]

Ngày: ___ [ghi ngày tháng năm ký đơn dự sơ tuyển]

Name of Pre-qualification documents: ___ [insert the name of PQD as the Invitation for Pre-qualification]

Tên HSMST: ___ [ghi tên HSMST theo Thông báo mời sơ tuyển]

To: [insert the complete and accurate name of the Procuring entity]

(hereinafter referred to as Procuring entity)

Kính gửi: [ghi tên đầy đủ và chính xác của Bên mời thầu]

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

After carefully studying the Pre-qualification Documents ___ [insert the name of Pre-qualification documents] issued by ___ [insert name of Procuring entity] dated ___ [insert the date of issuance] and revision no. ___ [insert the number of the revision(s) (if any)] dated ___ [insert the date of revision issuance], we, ___ [insert the Bidder's name], pledge ourselves to participate in pre-qualification in accordance with ___ [insert the name of Pre-qualification documents].

The execution period of Framework Agreement is [...] from the Effective Date of the Framework Agreement.

Sau khi nghiên cứu kỹ HSMST ___ [ghi tên của HSMST] do ___ [ghi tên Bên mời thầu] phát hành ngày ___ [ghi ngày ban hành] và văn bản sửa đổi số ___ [ghi số văn bản sửa đổi (nếu có)] ngày ___ [ngày ban hành văn bản sửa đổi], chúng tôi, ___ [ghi tên Nhà thầu], cam kết tham gia dự sơ tuyển theo đúng yêu cầu của HSMST ___ [ghi tên của HSMST].

Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung là [...] kể từ Ngày bắt đầu có hiệu lực của Thỏa thuận khung.

We are ready to provide Procuring entity with any other necessary additional information and clarifications upon Procuring entity's request.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

We hereby declare that:

Chúng tôi xin cam đoan rằng:

1. We only participate in this PQ Application as primary Bidder.

Chúng tôi chỉ tham gia trong một HSDST này với tư cách là Nhà thầu chính. ✕

2. We are not undergoing dissolution process, are not thrown into bankruptcy, and do not incur bad debts as prescribed by laws.

Chúng tôi không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Bidder is not prohibited from bidding under the law on bidding and/or under the blacklist of the Bidders who are not allowed to participate in bidding packages issued by Procuring entity.

Chúng tôi không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không nằm trong danh sách các Nhà thầu đang bị cấm tham dự các gói thầu do Bên mời thầu phát hành.

4. We do commit no violations against regulations on assurance of competitiveness in the market in terms of supply of goods, products and services.

Chúng tôi không vi phạm các quy định về bảo đảm cạnh tranh trên thị trường về cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.

5. We are not involved in corrupt, fraudulent or conclusive practice and other violations against the laws on bidding.

Chúng tôi không thực hiện các hành vi liên quan đến tham nhũng, hối lộ hoặc thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đấu thầu.

6. We have fulfilled the tax obligations of the latest financial year prior to the submission deadline of PQ Application.

Chúng tôi đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDST.

7. Every information provided herein truthful.

Mọi thông tin được kê khai trong HSDST là trung thực.

If our Pre-qualification Application is qualified, we shall participate in the negotiation, signing of Framework Agreement and participate in the bidder selection process later on according to the plan of the Procuring entity.

Nếu HSDST của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ tham gia đàm phán, ký Thỏa thuận khung và tham gia vào quy trình lựa chọn Nhà thầu theo kế hoạch của Bên mời thầu.

This Pre-qualification Application takes effect within ___⁽²⁾ days, from [date]⁽³⁾

HSDST này có hiệu lực trong ⁽²⁾ ngày, từ [ngày/tháng/năm]⁽³⁾

Legal representative of Bidder⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu⁽⁴⁾

[full name, position, wet signature and seal (if any)]⁽⁵⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]⁽⁵⁾

Notes/Lưu ý:

(1) Bidder must provide sufficient and accurate information including names of the

Procuring entity and the Bidder, validity period of the PQ Application, which bears the signature and seal (if any) and of the Bidder's legal representative.

Nhà thầu phải ghi đầy đủ và chính xác thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời hạn có hiệu lực của HSDST, được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

- (2) Insert number of validity days. The validity period of the PQ Application is from the submission deadline of PQ Application to its expiration date as prescribed in PQD in Chapter I. Instruction to Bidders. The period of time from the submission deadline of PQ Application to 24:00 of the date of such deadline is considered one (01) day.

Ghi số ngày hiệu lực. Thời gian có hiệu lực của HSDST được tính từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDST đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST tại Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu. Khoảng thời gian từ thời điểm hết hạn nộp HSDST đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được coi là 01 ngày.

- (3) Insert the date of submission deadline of PQ Application as prescribed in Chapter I. Instruction to Bidders

Ghi ngày có thời điểm đến hạn nộp HSDST theo quy định trong Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu.

- (4) If the Bidder's legal representative authorizes his/her subordinate to sign the Letter of PQ Application, a Power of Attorney (Form 02 provided in this Chapter) must be enclosed. If the company's charter or another document permits such subordinate to sign the Letter of PQ Application, copy of such document shall be enclosed (In this case, the Power of Attorney is not required). Regarding Consortium, the Letter of PQ Application shall be signed by legal representative of each Consortium member or the head of the Consortium. Each member of the Consortium may give authorization similar to the case for independent Bidder. If Bidder successfully passes the pre-qualification process, Bidder must present copies of these documents to the Procuring entity before signing Framework Agreement. If information provided is found inaccurate, the Bidder shall be considered fraudulent.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới của mình ký vào Đơn dự sơ tuyển, thì phải có Giấy ủy quyền (Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tài liệu khác cho phép cấp dưới ký Đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo bản sao các văn bản này (Trong trường hợp này, không cần có Giấy ủy quyền). Trường hợp Nhà thầu là liên danh, Đơn dự sơ tuyển phải được ký bởi đại diện hợp pháp của từng thành viên của liên danh hoặc người đứng đầu của liên danh. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập. Nếu Nhà thầu trúng sơ tuyển, trước khi ký kết Thỏa thuận khung, Nhà thầu phải trình cho Bên mời thầu bản sao của các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận. ✍

- (5) If a foreign Bidder has no seal, there must be a certification issued by a competent agency showing that the signature in the Letter of PQ Application and any other documents of the PQ Application belongs to the legal representative of the Bidder.

Nếu Nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải có chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện chữ ký trong Đơn dự sơ tuyển và các tài liệu khác của HSDST là của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu. ✍

2. Form No.02: POWER OF ATTORNEY⁽¹⁾/ Mẫu số 02: GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Today, date _____

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại _____

I am [insert name, ID/passport number, position of Bidder's legal representative], the legal representative of [insert name of Bidder] at [insert address of Bidder] hereby authorizes [insert name, ID/passport number, position of authorized person] to perform the following tasks during the participation in the pre-qualification process for [insert name of the PQD] held by [insert name of the company]:

Tôi là ____ [điền tên, số CMND/ số hộ chiếu, chức danh của đại diện theo pháp luật của Nhà thầu], người đại diện theo pháp luật của [ghi tên Nhà thầu] có địa chỉ tại [ghi địa chỉ của Nhà thầu], bằng văn bản này ủy quyền cho [ghi tên, số CMND/ số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] để thực hiện các công việc sau trong quá trình tham gia vào quá trình sơ tuyển [ghi tên của HSMST] được tổ chức bởi _____ [ghi tên của Công ty]:

- Sign the Letter of PQ Application;
Ký Đơn dự sơ tuyển;
- Sign Offer Submission Form;
Ký Đơn chào hàng;
- Sign in the Consortium Agreement (if any);
Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Sign documents during the pre-qualification process, including the request for clarification of PQD; clarification of PQ Application or withdrawal, modification or substitution of PQ Application;
Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST; làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút HSDST, sửa đổi hoặc thay thế HSDST;
- Sign documents during the quotation process, including a written request for clarification of the RFQ; clarification of the Quotation or withdrawal, modification or substitution of the Quotation;
Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Bản YCBG; làm rõ Báo giá hoặc văn bản đề nghị rút Báo giá, sửa đổi hoặc thay thế Báo giá;
- Participate in negotiation, conclusion of Framework Agreement and Coal Sales and Purchase Contract;
Tham gia đàm phán và ký kết Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua bán than;
- Sign petition (if any); ✕

Ký đơn kiến nghị (nếu có);

- Sign the Framework Agreement and Coal Sales and Purchase Contract with the Company if the Bidder is pre-qualified for the Shortlist and/or qualified as the Coal Supply Bidder for the specific bidding package ⁽²⁾.

Ký Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua bán than với Công ty nếu Nhà thầu được lựa chọn vào Danh sách ngắn và/hoặc lựa chọn là Nhà thầu cung cấp than cho gói thầu cụ thể ⁽²⁾.

The authorized person only performs the tasks within the scope of authorization as a legal representative of _____ [insert name of Bidder]. _____ [insert name of Bidder's legal representative] is totally responsible for the tasks performed by _____ [name of authorized person] within the scope of authorization.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ [Ghi tên Nhà thầu]. _____ [Ghi tên của Đại diện theo pháp luật của Nhà thầu] hoàn toàn chịu trách nhiệm về những công việc do _____ [ghi tên của người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

The Power of Attorney is effective from _____ [insert date] to _____ [insert date]⁽³⁾ and is made into _____ originals with equal legal value. _____ originals are kept by the authorizer, and _____ originals are kept by the authorized person. Attached is one (01) original for the original PQ Application.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ _____ [ghi ngày] tới _____ [ghi ngày] ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ _____ bản. Người được ủy quyền giữ _____ bản. Đính kèm theo bản gốc của HSDST một (01) bản gốc.

Authorized person

Người được ủy quyền

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Authorizer

Người ủy quyền

[Full name of legal representative of the Bidder, position, wet signature and seal (if any)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/Lưu ý:

- (1) In case there is authorization, the original of the Power of Attorney shall be sent ✓

to the Procuring entity in conjunction with the Letter of PQ Application. The Bidder's legal representative may authorize their deputies, subordinates, directors of branches, and heads of representative offices of the Bidder to perform the above-mentioned tasks on behalf of the Bidder. The authorized person may use the seal of the Bidder or the seal of the entity of the authorized person. The authorized person can not authorize another person.

Trường hợp ủy quyền thì bản gốc của Giấy ủy quyền phải được gửi cùng với Đơn dự sơ tuyển. Đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có thể ủy quyền cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu thay mặt để thực hiện các nội dung công việc nêu trên. Người được ủy quyền có thể sử dụng con dấu của Nhà thầu hoặc con dấu đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

- (2) The scope of authorization may include one or multiple tasks above.

Phạm vi ủy quyền có thể bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

- (3) Insert the effective date and expiration date of the Power of Attorney in conformity with the pre-qualification process.

Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của Giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia dự sơ tuyển. ✕

3. Form No.03: CONSORTIUM AGREEMENT/ Mẫu số 03: THỎA
THUẬN LIÊN DANH

Today, date _____

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Pre-qualification Documents: _____ [insert name of PQD]

Hồ sơ mời sơ tuyển: _____ [điền tên của HSMST]

In response to the PQD _____ [insert name of PQD] dated _____ [insert date in the PQD];

Căn cứ HSMST _____ [điền tên của HSMST] ngày _____ [điền ngày được ghi trong HSMST];

We, representatives of signatories to the Consortium Agreement, include:

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết thỏa thuận liên danh, bao gồm:

Name of first Consortium member: _____

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

- Represented by/ Đại diện là:
- Position/ Chức vụ:
- Address/ Địa chỉ:
- Tel/ Số điện thoại:
- Fax/ Fax:
- Email/ Email:
- Bank account/ Tài khoản ngân hàng:
- Tax code/ Mã số thuế:

Power of Attorney No. _____ dated _____ (in case of authorization).

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ (trong trường hợp ủy quyền).

Name of second Consortium member: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

- Represented by/ Đại diện là:
- Position/ Chức vụ:
- Address/ Địa chỉ:
- Tel/ Số điện thoại/:
- Fax/ Fax:
- Email/ Email:
- Bank account/ Tài khoản ngân hàng:
- Tax code/ Mã số thuế: H

Power of Attorney No. _____ dated _____ (in case of authorization).

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ (trong trường hợp ủy quyền).

The members have reached a consensus on signing a Consortium Agreement with the following contents:

Các thành viên thống nhất ký kết Thỏa thuận Liên danh với các nội dung sau:

Article 1. General rules

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Members voluntarily establish this Consortium to participate in the pre-qualification _____ [insert name of the PQD] and in the quotation process of _____ [insert name of the Procuring entity] to select the supplier of oversea-produced coal.

Các thành viên tự nguyện thành lập Liên danh này để tham gia vào quá trình sơ tuyển _____ [ghi tên của HSMST] và quá trình chào giá để lựa chọn nhà cung cấp than nhập khẩu của _____ [ghi tên Bên mời thầu].

2. Official name of the Consortium used in every transaction related to the pre-qualification and Bidder selection process if qualified: _____ [insert the agreed name of the Consortium].

Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến quá trình sơ tuyển và quá trình lựa chọn Nhà thầu nếu được chọn là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]

3. Every member is committed not to unilaterally participate or establish a Consortium with another member to participate in this pre-qualification process and Bidder selection process if qualified. If qualified, no member is entitled to refuse to fulfill the duties and obligations prescribed in the Framework Agreement. If awarded the Coal Sales and Purchase Contract (Contract), no member is entitled to refuse to fulfill the duties and obligations prescribed in the Contract. Any member of the Consortium that refuses to perform their duties as agreed must:

Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia quá trình sơ tuyển này và quá trình lựa chọn Nhà thầu nếu được chọn. Trường hợp trúng thầu sơ tuyển, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong Thỏa thuận khung. Trường hợp được trao Hợp đồng cung cấp than (Hợp đồng), không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng. Bất kỳ thành viên nào của Liên danh từ chối thực hiện nhiệm vụ theo thỏa thuận thì phải:

- Compensate for damages to other parties in the Consortium;

Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Compensate for damages to Company as regulated by the Contract;

Bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định của Hợp đồng; ✕

- Incur other disciplinary actions: _____ [specify the action].

Hình thức xử lý khác: _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

4. In the process of Contract performance if the Consortium is awarded the Contract, when one or more members of Consortium fail to perform the Contract as assigned in the Consortium Agreement, the remaining members shall have to reassign the remain tasks to ensure the successful completion of the signed Contract between Bidder and Company. In such case that one or more members of Consortium are incapable of performing the Contract, the liability of the Consortium and its members is unchanged for the performance of the Contract.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu Liên danh được trao Hợp đồng, trường hợp một hoặc nhiều thành viên của Liên danh không thực hiện Hợp đồng theo Thỏa thuận Liên danh, thì các thành viên còn lại sẽ phải phân công lại các nhiệm vụ còn lại để đảm bảo hoàn thành Hợp đồng đã ký giữa Công ty và Nhà thầu. Trong trường hợp một hoặc nhiều thành viên của Liên danh không có khả năng thực hiện Hợp đồng, trách nhiệm của Liên danh và các thành viên của Liên danh là không thay đổi khi thực hiện Hợp đồng.

Article 2. Assignment of duties

Điều 2. Phân công trách nhiệm

All members unanimously agree to assign joint and several responsibility to execute the packages under the scope of PQD _____ [insert name of PQD] as follows:

Tất cả các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm liên đới và riêng rẽ để thực hiện các gói thầu thuộc phạm vi HSMST _____ [điền tên của HSMST] như sau:

1. Head member of the Consortium:

Thành viên đứng đầu Liên danh:

All members unanimously authorize _____ [insert name of a member] as the head member of the Consortium who represents the Consortium to perform the following tasks:

Các thành viên nhất trí ủy quyền cho _____ [ghi tên của một bên] làm thành viên đứng đầu Liên danh, đại diện cho Liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Sign the Letter of PQ Application;

Ký Đơn dự sơ tuyển;

- Sign Offer Submission Form;

Ký Đơn chào hàng;

- Sign documents during the Pre-Qualification process, including the request for clarification of PQD; clarification of PQ Application or withdrawal, modification or substitution of PQ Application;

Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình dự sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST; làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút, sửa đổi hoặc thay thế HSDST.

- Sign documents during the quotation process, including a written request for clarification of the RFQ; clarification the Quotation or withdrawal, modification or substitution of the Quotation;

Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình tham gia báo giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Bản YCBG; làm rõ Báo giá hoặc văn bản đề nghị rút Báo giá, sửa đổi hoặc thay thế Báo giá;

- Participate in the negotiation of Framework Agreement;

Tham gia đàm phán Thỏa thuận khung;

- Participate in the negotiation of Contract if awarded the Contract;

Tham gia đàm phán hợp đồng nếu được trao Hợp đồng;

- Sign petition (if any)

Ký đơn kiến nghị (nếu có);

- Perform other tasks other than signing of Framework Agreement and Contract (if awarded the Contract): _____ [specify other tasks (if any)]⁽¹⁾.

Các công việc khác trừ việc ký kết Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua bán than (nếu được trao Hợp đồng): [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]⁽¹⁾

2. Tasks of Consortium members are specified in the table below:

Các thành viên liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

| No Số | Name Tên | Tasks <i>Nội dung công việc đảm nhận</i> | Proportion of total bid value ⁽²⁾ <i>Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu⁽²⁾</i> | Proportion of supplying coal quantity ⁽³⁾ <i>Tỷ lệ % cung cấp than⁽³⁾</i> |
|----------|---|---|--|--|
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) |
| 1 | Name of head member <i>Tên thành viên đứng đầu liên danh</i> | | - % - % | - % - % |
| 2 | Name of 2nd member <i>Tên thành viên thứ hai</i> | | - % - % | - % - % |

| | | | |
|----------------------|---------------------------------------|------|------|
| Total <i>Tổng</i> | All tasks <i>Toàn bộ công việc</i> | 100% | 100% |
|----------------------|---------------------------------------|------|------|

Notes/ Lưu ý:

- The number of members in the Consortium shall not exceed 02 members.
Số lượng thành viên trong Liên danh không quá 02 thành viên.
- The head member of Consortium shall be responsible for supplying at least 50% of the supplied coal quantity as required by selection of Bidder by shortlist.
Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cung cấp tối thiểu 50% khối lượng than sẽ được cung cấp theo yêu cầu của hình thức lựa chọn Nhà thầu theo Danh sách ngắn này.
- The head member of Consortium must be responsible for at least 50% of total bid value as required by selection of Bidder by shortlist.
Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cho ít nhất 50% tổng giá gói thầu theo yêu cầu của hình thức lựa chọn Nhà thầu theo Danh sách ngắn này.

Article 3. Effect of Consortium agreement

Điều 3. Hiệu lực của Thỏa thuận Liên danh

1. The Consortium agreement takes effect from the day on which it is signed.
Thỏa thuận Liên danh có hiệu lực kể từ ngày được ký kết.
2. The Consortium agreement expires in the following cases:
Thỏa thuận Liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - All members fulfill their duties and finalize the contract;
Các thành viên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và hoàn thành hợp đồng;
 - The agreement is unanimously terminated by all the members;
Các thành viên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - There is a change of Consortium members. In this case, if the change of Consortium member is approved by the Procuring entity, the parties must form a new Consortium agreement. The new Consortium agreement must be signed by all Parties;
Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập Thỏa thuận Liên danh mới. Thỏa thuận Liên danh mới phải được các bên ký kết;
 - The Consortium is not pre-qualified/qualified; #

Liên danh không trúng sơ tuyển/trúng thầu;

- The Consortium does not sign Framework Agreement;

Liên danh không ký kết Thỏa thuận khung;

- The Consortium is removed from shortlist;

Liên danh bị loại khỏi danh sách ngắn;

- The Pre-qualification for _____ [insert name of the PQD] is cancelled as notified by the Procuring entity;

Hủy việc sơ tuyển _____ [ghi tên của HSMST] theo thông báo của Bên mời thầu.

This Consortium Agreement is made with consensus of all parties and made into _____ originals, each member keeps _____ original(s), attached is one (01) original for the PQ Application. All the originals have equal legal value.

Thỏa thuận liên danh này được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên và được lập thành _____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ _____ bản, nộp kèm theo HSDST 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

LEGAL REPRESENTATIVE OF HEAD MEMBER

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

LEGAL REPRESENTATIVE OF CONSORTIUM MEMBER

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Full name, position, wet signature and seal of each member (if any)]

[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/*Ghi chú:*

- (1) Scope of authorization includes one or multiple tasks above. Regarding Consortium, the Letter of PQ Application shall be signed and sealed (if any) by legal representative of each Consortium member or signed by the head member of the Consortium.

Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc ở trên. Liên quan đến Liên danh, Đơn dự sơ tuyển/Đơn chào hàng sẽ được ký và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của mỗi thành viên của Liên danh hoặc được ký bởi thành viên đứng đầu Liên danh.

- (2) The Bidder shall specify detailed tasks and estimate equivalent value of tasks performed by each Consortium member, joint and several responsibilities of each member, including the head member. ✕

Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

- (3) The Bidder shall specify detailed tasks and estimate equivalent value of tasks in supplying coal performed by Consortium members.

Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính giá trị tương ứng của các nhiệm vụ trong việc cung cấp than do các thành viên của Liên danh thực hiện.

4. Form No.04: BIDDER INFORMATION FORM/ Mẫu số 04: BẢNG KÊ
KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU

Form No.04(a): BIDDER INFORMATION FORM/ Mẫu số 04(a): BẢNG
KÊ KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU

Date: _____

Ngày: _____

Name and number of the pre-qualification documents: _____

Tên và số hiệu hồ sơ mời sơ tuyển: _____

| |
|---|
| Bidder's name: <i>Tên Nhà thầu:</i> |
| Place of business registration and operation: _____ [insert province/city, country where The Bidder registers and operates business] <i>Nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ [ghi tên tỉnh/thành phố, quốc gia nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i> |
| Year of establishment: <i>Năm thành lập công ty:</i> |
| Bidder's legal address: <i>Địa chỉ hợp pháp của Nhà thầu:</i> |
| Bidder's legal representative information <i>Thông tin về đại diện hợp pháp của Nhà thầu</i> Name/Tên: _____ Address/Địa chỉ: _____ Tel/Số điện thoại: _____ Fax/Fax: _____ Email/Email: _____ |
| 1. Attached are copies of original documents of: A Certificate of Enterprise registration, Establishment Decision or equivalent documents issued by competent agencies in the country where the Bidder operates. |

Kèm theo là bản sao một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động cấp.

2. Present the organization chart of the Bidder: [Bidder fills in information]

Trình bày sơ đồ tổ chức của Nhà thầu: [Nhà thầu điền thông tin]

Legal representative of Bidder

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Full name, position, wet signature and seal (if any)⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽¹⁾

Notes/*Ghi chú:*

- (1) If a foreign Bidder has no seal, there must be a certification issued by a competent agency showing that the signature in the Letter of PQ Application and any other documents of the PQ Application belongs to the legal representative of the Bidder.

Nếu Nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải có chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện chữ ký trong Đơn dự sơ tuyển và các tài liệu khác của HSDST là của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu.

Form No.04(b): CONSORTIUM MEMBER INFORMATION FORM⁽¹⁾/
Mẫu số 04(b): BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ
THẦU LIÊN DANH ⁽¹⁾

Date: _____

Ngày: _____

Name and number of the Pre-qualification documents: _____

Tên và số hiệu hồ sơ mời sơ tuyển: _____

| |
|--|
| Consortium name: <i>Tên Nhà thầu liên danh:</i> |
| Consortium member name: <i>Tên thành viên của Nhà thầu liên danh:</i> |
| Country of Registration of Consortium member: <i>Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:</i> |
| Year of Establishment of Consortium member: <i>Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:</i> |
| Legal Address of Consortium member in Country of Registration: <i>Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:</i> |
| Consortium member's legal representative information: <i>Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh</i> Name/Tên: _____ Address/ Địa chỉ: _____ Tel/Số điện thoại: _____ Fax/Fax: _____ Email/ Email: _____ |
| 1. Attached are copies of original documents of: Certificate of Enterprise registration, Establishment Decision or equivalent documents issued by competent agencies in the country where the Consortium member operates. |

Kèm theo là bản sao một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà thành viên liên danh đang hoạt động cấp.

2. Present the organization chart of the Consortium member: [fill in information] *Trình bày sơ đồ tổ chức của thành viên liên danh: [điền thông tin]*

Legal representative of Consortium Member

[Full name, position, wet signature and seal (if any)⁽²⁾]

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽²⁾]

Notes/Ghi chú:

- (1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

- (2) If a foreign Consortium member has no seal, there must be a certification issued by a competent agency showing that the signature in the Letter of PQ Application and any other documents of the PQ Application belongs to the legal representative of the Consortium member.

Nếu thành viên liên danh nước ngoài không có con dấu thì phải có chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện chữ ký trong Đơn dự sơ tuyển và các tài liệu khác của HSDST là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

5. Form No.05: HISTORY OF UNFINISHED CONTRACTS DUE TO THE FAULT OF THE BIDDER⁽¹⁾ / Mẫu số 05: HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ DO LỖI CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Bidder's name:

Tên Nhà thầu:

Date:

Ngày

Name of consortium members (if any):

Tên thành viên của Nhà thầu Liên danh (nếu có):

Unfinished contracts due to the fault of the Bidder as prescribed in Section 3 Chapter II – Evaluation Criteria

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ được quy định trong Mục 3 Chương II– Tiêu chuẩn đánh giá

The Bidder has no concluded contract without execution due to the fault of the Bidder from January 01st [...] to the submission deadline of PQ Application prescribed in criterion 01 in the Evaluation Table of qualification and experience in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện do lỗi của Nhà thầu kể từ ngày 1 tháng 1 năm [...] đến thời điểm hết hạn nộp HSDST, được quy định trong tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm tại Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá.

The Bidder has concluded contract(s) without execution due to the fault of the Bidder from January 01st [...] to the submission deadline of PQ Application, prescribed in criterion 1 in the Evaluation Table of qualification and experience in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu tính từ ngày 1 tháng 1 năm [...] đến thời điểm hết hạn nộp HSDST, quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm tại Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá.

| Year Năm | Unfinished tasks in the contract due to the fault of the Bidder Phần việc hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu | Description of contract Mô tả hợp đồng | Total value of contract (current value, currency unit, exchange rate, equivalent value in USD) Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng USD) |
|-------------|--|--|---|
| | | Description of contract/ Mô tả hợp đồng: _____ Name of Purchaser/Tên bên mua: _____ Address/ Địa chỉ: _____ Reasons for unfinished contract/ Nguyên nhân không hoàn thành Hợp đồng: _____ | |

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/ Ghi chú:

- (1) The Bidder must declare accurately and truthfully history of unfinished contracts due to the fault of the Bidder; any unfinished contract being not declared shall be considered “fraudulent” and lead to the disqualification of PQ Application.

Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ; trường hợp nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ Nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không được kê khai thì sẽ bị coi là hành vi “gian lận” và sẽ bị loại.

Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu Liên danh phải kê khai thông tin theo Mẫu này. ✕

6. **Form No.06: FINANCIAL SITUATION OF BIDDER⁽¹⁾ / Mẫu số 06: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾**

Bidder's name:

Tên Nhà thầu:

Date:

Ngày:

Name of Consortium member (if any):

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có):

The fiscal year of the Bidder is from [...] to [...] (date and month)

Năm tài chính của Nhà thầu từ ngày [...] tháng [...] đến ngày [...] tháng [...]

Financial figures in the years [...] ⁽²⁾ [USD]

Số liệu tài chính trong các năm [...] ⁽²⁾ [USD]

First year:

Second year:

Third year:

Năm 1:

Năm 2:

Năm 3:

Information from the Balance sheet /

Thông tin từ bảng cân đối kế toán

| | | | |
|--|--|--|--|
| Total Assets <i>Tổng tài sản</i> | | | |
| Total Liabilities <i>Tổng Nợ phải trả</i> | | | |
| Net asset value <i>Giá trị tài sản ròng</i> | | | |
| Short-term assets <i>Tài sản ngắn hạn</i> | | | |
| Short-term debt <i>Nợ ngắn hạn</i> | | | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| Working capital <i>Vốn lưu động</i> | | | |
| Information from the Income Statement/ Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh | | | |
| Total Revenues from production and business activities <i>Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</i> | | | |
| Average annual revenue from production and business activities (3) <i>Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh⁽³⁾</i> | | | |
| Pre-tax profits <i>Lợi nhuận trước thuế</i> | | | |
| Post-tax profits <i>Lợi nhuận sau thuế</i> | | | |
| <p>Enclosed are copies of financial statements (the Balance sheets including relevant descriptions and business results) in the years [...] ⁽⁴⁾, which satisfy the following conditions:</p> <p><i>Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) trong các năm [...] ⁽⁴⁾, đáp ứng các điều kiện sau:</i></p> <p>1. The financial statement only includes financial situation of the Bidder or Consortium members (regarding Consortium) but not of an associate entity such as parent company or subsidiary companies or associate companies with the</p> | | | |

Bidder or Consortium members.

Báo cáo tài chính chỉ bao gồm tình hình tài chính của Nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Financial statements must be audited as prescribed (attached audit report).

Các báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định (có báo cáo kiểm toán kèm theo).

3. Financial statements must be complete and adequate as prescribed.

Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh và đầy đủ nội dung theo quy định.

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/Ghi chú:

(1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trường hợp Nhà thầu liên danh, từng thành viên Liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) The period of time above is the same as the period of time prescribed in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống với khoảng thời gian được quy định trong Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

(3) Average Annual Revenue from production and business activities shall be determined by dividing total revenues for all the years from production and business activities by the number of years.

Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ được xác định bằng cách chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

- Total revenue from production and business activities is calculated as the total revenue from production and business activities in the financial statement of that year (excluding VAT). ✕

Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được tính bằng tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

- Average Annual Revenue from production and business activities (excluding VAT) = Total revenues for all the years from production and business activities (excluding VAT) as required by this PQD divided by the number of years

Doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu các năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMST/số năm.

- In case the newly established Bidder does not meet the number of years required by the PQD, the Average Annual Revenue (excluding VAT) is calculated on the basis of the number of years for which Bidder has financial data.

Trường hợp Nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMST thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà Nhà thầu có số liệu tài chính.

- In case the financial statements of the most recent year prior to the submission deadline of PQ Application (if required) is not available, the Average Annual Revenue (excluding VAT) shall be calculated on the basis of the remaining years in which the Bidder has financial statements.

Trường hợp báo cáo tài chính năm gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDST của Nhà thầu (nếu được yêu cầu) chưa khả dụng thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở các năm còn lại mà Nhà thầu có báo cáo tài chính. ✍

7. **Form No.07: EXPERIENCE OF BIDDER/ Mẫu số 07: KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU**

Form No.07(a): EXPERIENCE IN PERFORMING SIMILAR CONTRACTS/ Mẫu số 07(a): KINH NGHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Applicable to Bidder who are not producers of goods in the PQD and packages)

(Đối với Nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu)

The Bidder and/or each member fill up the detail from January 1st [...] to the submission deadline of PQ Application as requested in the table below (please use additional sheets of paper if necessary)

Nhà thầu và/hoặc mỗi thành viên điền thông tin chi tiết từ ngày 01 tháng 01 năm [...] đến thời điểm hết hạn nộp HSDST theo yêu cầu của bảng dưới đây (đề nghị sử dụng thêm trang giấy nếu cần)

| No Số | Contract number Số hợp đồng | Bill of Lading No. (if any) Số vận tải đơn (nếu có) | Certificate of Origin No. Số chứng thư xuất xứ | .Commercial invoice No. Số hóa đơn thương mại | Customer's name Tên khách hàng | Quantity (Metric Ton) Khối lượng (tấn) | Value (USD) Giá trị (USD) |
|----------|--------------------------------------|--|---|--|---|---|---------------------------------------|
| (a) | (b) | (c) | (d) | (e) | (f) | (g) | (h) |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Note/Ghi chú:

- (1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

- (2) Similar Contract shall:

Hợp đồng tương tự cần thỏa mãn:

- Be a contract for the supply of goods with the same Chapter code, Group code (corresponding to the first 4 digits of the code) in the HS (HS - Harmonized Commodity Description and Coding System) according to the Goods Classification System issued by the World Customs Organization WCO (collectively referred to as HS code). The goods of this PQD and the bidding packages is goods with HS code with the first 4 digits being 2701).

Là hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (trùng ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Đối với hàng hóa của HSMST này và các gói thầu là hàng hóa có mã HS với 4 số đầu trùng ứng là 2701).

- Be a type of coal import and export contract in which the Bidder is the Seller of goods and the goods (coal) are exported from one country to another country for delivery to the Buyer of the contract (excluding sales contracts where goods are traded within the territory of a country).

Là loại hợp đồng xuất nhập khẩu than trong đó Nhà thầu là Người bán hàng và hàng hóa (than) được xuất khẩu từ một quốc gia này sang quốc gia khác để giao cho Người mua của hợp đồng (không bao gồm các hợp đồng mua bán mà hàng hóa được mua bán trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia).

- (3) The Bidder must submit copy of following documents to prove Bidder's coal supply experience:

Nhà thầu phải nộp bản sao các tài liệu sau đây để chứng minh kinh nghiệm cung cấp than của Nhà thầu:

- (i) Coal import and export contract, which shows the Bidder as the Seller;

Hợp đồng xuất nhập khẩu than, trong đó thể hiện Nhà thầu là Người bán;

- (ii) Bill of Lading (if terms of delivery show that the Seller is the charterer/transporter);

Vận tải đơn (nếu điều khoản giao hàng thể hiện Người bán là người thuê vận chuyển);

- (iii) Certificate of Origin of the shipment;

Chứng thư xuất xứ của lô hàng; ✕

(iv) Commercial invoice;

Hóa đơn thương mại.

Form No.07(b): DECLARATION OF PRODUCTION CAPACITY OF SIMILAR GOODS/ Mẫu số 07(b): KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA TƯƠNG TỰ

(Applicable to the Bidder who is a producer of goods in the PQD and the packages)

(Đối với Nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu)

Bidder's name: _____ [insert the full name of the Bidder]

Tên Nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của Nhà thầu].

Number of mines, mining facilities (collectively referred to as mines): _____ [Insert number of mines]

Số lượng mỏ, cơ sở khai thác (gọi chung là mỏ): _____ [Điền số lượng mỏ]

For each mines, the Bidder shall declare the following information:

Đối với mỗi mỏ, Nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

| | |
|--|--|
| Mine's name/Tên mỏ: | [insert mine's name] [Ghi tên mỏ] |
| Address/Địa chỉ: | [insert mine's address] [Ghi địa chỉ mỏ] |
| Mine reserves (metric tons)/Trữ lượng mỏ (tấn) | [insert Mine reserves] [Ghi trữ lượng mỏ] |
| Total mined output of the mine (metric tons)/Tổng sản lượng đã khai thác của mỏ (tấn) | [insert total mined output of the mine] [Ghi tổng sản lượng đã khai thác] |
| Remaining reserves of the mine (metric tons)/Trữ lượng còn lại của mỏ (tấn) | [insert remaining reserves of the mine] [Ghi trữ lượng còn lại của mỏ] |
| Average mining output (metric tons/month):/Sản lượng khai thác trung bình (tấn/tháng): | [insert mine's average output per month in the latest year] [Ghi sản lượng trung bình một tháng thực tế trong năm gần nhất] |
| Types of coal of mines and HS code/Chủng loại | [insert types of coal type and coal specifications, including but not limited to: Net calorific value (as |

| | |
|---|---|
| <p><i>than của mỏ và mã HS tương ứng:</i></p> | <p>received basis), Ash content (air dried basis), Volatile matter (air dried basis), Sulfur (air dried basis),... and HS code corresponding to each types of coal]</p> <p><i>[Ghi các chủng loại than và các thông số kỹ thuật của than, bao gồm nhưng không giới hạn: Nhiệt năng tịnh (cơ sở nhận), Hàm lượng tro (cơ sở khí khô), Chất bốc (cơ sở khí khô), Lưu huỳnh (cơ sở khí khô), ... và mã HS tương ứng với từng chủng loại]</i></p> |
|---|---|

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Note/ Ghi chú:

- (1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

- (2) Goods similar in nature to goods in this PQD and the bidding packages: Goods with HS code with first 4 digits being 2701.

Hàng hóa tương tự về tính chất với hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu: Là hàng hóa có mã HS với 4 số đầu tương ứng là 2701.

- (3) The Bidder must submit following documents to prove Bidder's coal production capacity:

Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau đây để chứng minh năng lực sản xuất:

- Copies of documents proving the Bidder's ownership/mining rights.

Bản sao tài liệu chứng minh quyền sở hữu/quyền khai thác mỏ của Nhà thầu.

- Copies of documents proving the average mining output in the most recent year of the mines.

Bản sao tài liệu chứng minh trữ lượng còn lại và sản lượng khai thác trung bình trong năm gần nhất của mỏ.

CHAPTER IV. FRAMEWORK AGREEMENT/ *CHƯƠNG IV. THỎA THUẬN KHUNG*

This Chapter sets out major provisions of Framework Agreement and includes forms that are integral parts of Framework Agreement and Coal Sales and Purchase Contract

Chương này đưa ra các điều khoản chính của Thỏa thuận khung và bao gồm các biểu mẫu như một phần không thể tách rời của Thỏa thuận khung và Hợp đồng.

Form No.08. Notification of conclusion of Framework Agreement

Mẫu số 08. Thông báo ký kết Thỏa thuận khung

(For approved Shortlisted Bidder after the PQ process)

(Dành cho các Nhà thầu được chấp thuận vào Danh sách ngắn sau quá trình sơ tuyển)

Form No.09. Framework Agreement

Mẫu số 09. Thỏa thuận khung ✕

1. Form No.08: NOTIFICATION OF CONCLUSION OF FRAMEWORK AGREEMENT/ *Mẫu số 08: THÔNG BÁO KÝ KẾT THỎA THUẬN KHUNG*

[Location] _____, [date] _____

[Địa điểm] _____, [ngày] _____

To: [Name and address of shortlisted Bidder]

Kính gửi: [Tên và địa chỉ của Nhà thầu được lựa chọn vào Danh sách ngắn]

Ref: Notification of conclusion of Framework Agreement

Về việc: Thông báo ký kết Thỏa thuận khung

Pursuant to Decision No. _____ dated _____ of [insert name of Company], (hereinafter referred to as "Company" or "Purchaser") regarding the approval of Pre-qualification result for Pre-Qualification Documents _____ [insert name of PQD], this is to notify you that your PQ Application has been approved to conclude a Framework Agreement.

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ của Công ty [điền tên Công ty], (sau đây gọi là "Công ty" hoặc "Bên mua") về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển cho HSMST _____ [điền tên HSMST], Chúng tôi thông báo với Nhà thầu rằng HSDST của Nhà thầu đã được chấp thuận để ký kết Thỏa thuận khung.

We hereby request the legal representative of the Bidder to complete and sign the Framework Agreement with the Purchaser according to the following plan:

Yêu cầu đại diện hợp pháp của Nhà thầu hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Bên mua theo kế hoạch sau:

Time for completion and signing in the Framework Agreement: _____, in/at _____; enclosed with the Draft Framework Agreement.

Thời gian hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung: _____, tại _____; đính kèm Dự thảo Thỏa thuận khung.

This Notification is an integral part of the Framework Agreement. Upon the receipt of this Notification, the Bidder must send us a Notification of Acceptance of Framework Agreement Conclusion at the current capability of the Bidder. The Procuring entity shall reject to finalize and to sign the Framework Agreement with the Bidder if at the time of signing, the Bidder fails to satisfy the requirements of the PQD.

Thông báo này là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận khung. Ngay khi nhận được thông báo này, Nhà thầu cần gửi một văn bản thông báo đồng ý ký kết Thỏa thuận khung theo khả năng hiện tại của Nhà thầu. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Nhà thầu nếu tại thời điểm ký kết khả năng của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của HSMST.

After the expiration of the above-mentioned time limit, if the Bidder fails or refuse to finalize and to sign the Framework Agreement in conformity with the above requirements, the Bidder shall be removed from the Company's shortlist. ✎

Quá thời hạn trên đây, Nhà thầu không hoặc từ chối hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung tuân theo yêu cầu trên, Nhà thầu sẽ bị gạch tên khỏi Danh sách ngắn.

Legal representative of the Purchaser

[Full name, position, wet signature and seal]

Đại diện hợp pháp của Bên mua

[Họ tên đầy đủ, chức vụ, chữ ký và đóng dấu]

Attachment: Draft Framework Agreement

Đính kèm: Dự thảo Thỏa thuận khung. ✍

2. Form No 09: DRAFT FRAMEWORK AGREEMENT/ Mẫu số 09: DỰ THẢO THỎA THUẬN KHUNG

FRAMEWORK AGREEMENT

THỎA THUẬN KHUNG

No. _____

Số: _____

Date: _____

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___

We, Parties to this Framework Agreement:

Chúng tôi, các Bên tham gia Thỏa thuận khung này gồm:

The Purchaser/Bên Mua: _____

Address/Địa chỉ: _____

Phone/Điện thoại: _____

Fax/Fax: _____

Email/Email: _____

Represented by/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

Power of Attorney/Giấy ủy quyền số: _____

The Seller/Bên Bán: _____

Address /Địa chỉ: _____

Phone /Điện thoại: _____

Fax/Fax: _____

Email/Email: _____

Represented by/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

Power of Attorney/Giấy ủy quyền số: _____

The Purchaser and the Seller hereinafter are referred to individually as a “Party” and collectively as the “Parties”.

Bên Mua và Bên Bán sau đây được gọi riêng là một “Bên” và gọi chung là “các Bên”.

PART I

GENERAL TERMS

PHẦN I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. This Framework Agreement is signed with successful Bidder through the Purchaser's pre-qualification process.

Thỏa thuận khung này được ký với Nhà thầu trúng sơ tuyển thông qua quy trình sơ tuyển của Bên Mua.

2. This Framework Agreement is subject to the provisions described in the Part II below and any amendments (if any).

Thỏa thuận khung này tuân theo các điều khoản được quy định trong Phần II dưới đây và mọi sửa đổi (nếu có).

3. This Framework Agreement concludes a standing offer by the Seller to supply coal to the Purchaser during the duration of the Framework Agreement, as and when the Purchaser wishes to purchase, through a Coal Sales and Purchase Contract. For clarity, the signing of the Framework Agreement will not create any obligation to purchase coal from the Purchaser.

Thỏa thuận khung này ký kết nhằm cho phép việc chào hàng thường xuyên của Bên Bán để cung cấp than cho Bên Mua trong Thời hạn của Thỏa thuận khung, khi Bên Mua có nhu cầu mua than thông qua Hợp đồng mua bán than. Để làm rõ, Thỏa thuận khung này không hình thành bất kỳ nghĩa vụ mua than nào từ Bên Mua.

4. In case there is any content not specified in detail in the Framework Agreement, it will be applied according to the provisions of the Pre-Qualification Documents, Request for Quotation and regulations of the Purchaser from time to time.

Trường hợp có nội dung nào chưa được quy định chi tiết trong Thỏa thuận khung thì sẽ được áp dụng theo quy định tại Hồ sơ mời sơ tuyển, Bản yêu cầu báo giá và quy định của Bên Mua tại từng thời điểm.

PART II

SPECIFIC TERMS

PHẦN II

ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

Article 1. Definitions

Điều 1. Định nghĩa

The following words and expressions shall have the meanings hereby:

Các từ và cụm từ sẽ có nghĩa như sau:

1. "Working Day" is an official working day of the Purchaser. It excludes Saturday, Sunday and the Purchaser's official public holidays.

"Ngày làm việc" là ngày làm việc chính thức của Bên Mua, không bao gồm Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ chính thức của Bên Mua.

2. "Day" means calendar day.

"Ngày" là ngày lịch. ✍

3. "Contract Price" is the price payable to the Seller as specified in the Coal Sales and Purchase Contract, subject to such additions and adjustments thereto or deductions therefrom (if any), as may be made pursuant to the Contract.

"Giá trị hợp đồng" là giá trị phải trả cho Bên Bán được quy định trong Hợp đồng mua bán than, tùy thuộc vào các bổ sung và điều chỉnh hoặc các khoản khấu trừ (nếu có) theo Hợp đồng.

4. "Goods" means Coal that the Seller supplies to the Purchaser under a Coal Sales and Purchase Contract. Where appropriate, the definition for Goods includes related services as the case may be.

"Hàng hóa" là than mà Bên Bán cung cấp cho Bên Mua theo Hợp đồng mua bán than. Ý nghĩa của từ hàng hóa bao gồm các dịch vụ liên quan theo từng trường hợp.

5. "In Writing" means communicated or recorded in written form such as: letter, e-mail, fax.

"Bằng văn bản" nghĩa là được truyền đạt và ghi lại dưới dạng văn bản như: thư, e-mail, fax.

6. "The Purchaser" is Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company.

"Bên Mua" là Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

7. "The Seller" means the person, organization or government entity, who has signed a Framework Agreement to participate in the quotation process to provide related goods and services (if any) to the Purchaser upon request.

"Bên Bán" là các cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan Chính phủ đã ký kết Thỏa thuận khung để tham gia vào quy trình chào giá cung cấp hàng hóa, các dịch vụ liên quan (nếu có) cho Bên Mua khi được yêu cầu.

8. "Purchaser's Country" is Vietnam.

"Quốc gia của Bên Mua" là Việt Nam.

9. "Quotation process" is the method of Purchaser to select a Seller and award a Coal Sales and Purchase Contract under this Framework Agreement.

"Quy trình chào giá" là phương pháp Bên Mua sử dụng để lựa chọn Bên Bán và trao Hợp đồng mua bán than theo Thỏa thuận khung.

Article 2. Framework Agreement Documents

Điều 2. Hồ sơ Thỏa thuận khung

1. This Framework Agreement shall be read as a whole. Where a document is incorporated by reference into this Framework Agreement, it shall be deemed to form, and be read and construed, as a part of this Framework Agreement.

Thỏa thuận khung này sẽ được đọc một cách tổng thể. Khi một văn bản được tham chiếu đến Thỏa thuận khung này, văn bản đó sẽ được coi là hình thành, được đọc và hiểu là một phần của Thỏa thuận khung.

2. This Framework Agreement comprises the following documents:

Thỏa thuận khung này bao gồm những hồ sơ sau: 

(a) Framework Agreement (including its articles)

Thỏa thuận khung (bao gồm các điều khoản của Thỏa thuận khung)

(b) Notification of Conclusion of Framework Agreement, and

Thông báo ký kết Thỏa thuận khung, và

(c) Letter of PQ Application (from Pre-qualification process) of The Seller.

Đơn dự sơ tuyển (từ quy trình sơ tuyển) của Bên Bán.

Article 3. Seller's rights and obligations

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên Bán

1. The Seller shall offer to supply Goods to the Purchaser, including any related services as specifically required in Request for Quotation and Coal Sales and Purchase Contract, in accordance with the terms and conditions stipulated in this Framework Agreement.

Bên Bán được đề nghị cung cấp Hàng hóa đến Bên Mua, bao gồm mọi dịch vụ liên quan theo yêu cầu cụ thể tại Bản YCBG và Hợp đồng mua bán than, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Thỏa thuận khung này.

2. During the duration of Framework Agreement, Seller shall maintain its eligibility, qualification and experience specified in the pre-qualification process. The Seller shall notify the Purchaser immediately, in writing, if it ceases to be qualified or ceases to be eligible. Within 03 (three) working days from the date of any change in the eligibility, qualification and experience of the Seller, the Seller must notify the Purchaser for Purchaser's assessment. If this change does not meet Purchaser's requirements and is not approved by Purchaser, Seller will not be included in the quotation process, and Purchaser will terminate the Framework Agreement and remove Seller from the Shortlist.

Trong thời hạn Thỏa thuận khung, Bên Bán duy trì đủ tư cách hợp lệ và năng lực, kinh nghiệm được quy định trong quy trình sơ tuyển. Bên Bán phải thông báo ngay lập tức cho Bên Mua bằng văn bản, nếu Bên Bán không đủ năng lực hoặc tư cách hợp lệ. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Bên Bán, Bên Bán phải thông báo cho Bên Mua để Bên Mua đánh giá. Nếu thay đổi này không đáp ứng tiêu chuẩn của Bên Mua và không được Bên Mua chấp thuận, Bên Bán sẽ không được tham gia báo giá, đồng thời Bên Mua sẽ chấm dứt Thỏa thuận khung và loại Bên Bán ra khỏi Danh sách ngắn.

3. The Seller undertakes to supply the Goods under a Coal Sales and Purchase Contract. The Goods supplied shall be:

Bên Bán sẽ tiến hành cung cấp Hàng hóa theo Hợp đồng mua bán than. Hàng hóa được cung cấp phải:

(a) Correct quality, type and in accordance with other provisions in the Coal Sales and Purchase Contract.

Đúng chất lượng, chủng loại và các quy định khác trong Hợp đồng mua bán than.

(b) At the Contract Price specified in the Coal Sales and Purchase Contract. ✓

Theo giá trị hợp đồng được quy định tại Hợp đồng mua bán than.

(c) In such quantities, delivery time and place of delivery as specified in the Coal Sales and Purchase Contract.

Với khối lượng, thời gian giao hàng và địa điểm giao hàng theo quy định trong Hợp đồng mua bán than.

Article 4. Continued Qualification and Eligibility

Điều 4. Duy trì năng lực và tư cách hợp lệ

During the duration of Framework Agreement, the Purchaser may require evidence of the Seller's continued qualification and eligibility. If Seller fails to provide such evidence as requested, the Seller shall be disqualified from participating in a Quotation process, and/or not being awarded Coal Sales and Purchase Contract, and/or terminated of the Framework Agreement and removed from the Shortlist.

Trong thời hạn Thỏa thuận khung, Bên Mua có thể yêu cầu Bên Bán tiếp tục chứng minh việc duy trì năng lực và tư cách hợp lệ của mình. Nếu Bên Bán không cung cấp được bằng chứng theo yêu cầu thì Bên Bán sẽ bị đánh giá là không đáp ứng theo quy trình chào giá, và/hoặc không được trao Hợp đồng mua bán than, và/hoặc chấm dứt Thỏa thuận khung và loại ra khỏi Danh sách ngắn.

Article 5. Duration of Framework Agreement

Điều 5. Thời hạn thỏa thuận khung

1. This Framework Agreement shall be valid from the signing date and will remain until the end of the day [...], unless terminated earlier in accordance with the provisions of this Framework Agreement.

Thỏa thuận khung này sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ có hiệu lực đến hết ngày [...], trừ khi chấm dứt sớm hơn theo điều khoản của Thỏa thuận khung.

2. On the actual conditions, the Term may be extended, at the Purchaser's sole discretion. To extend the Term, the Purchaser shall send a notice in writing to the Seller no less than one (01) month prior to the date on which the Framework Agreement would otherwise have expired. The total extension period shall be no longer than a total of six (06) months.

Tùy theo điều kiện thực tế, thời hạn của Thỏa thuận khung có thể được gia hạn theo quyết định độc lập của Bên Mua. Để gia hạn thời hạn, Bên Mua phải gửi một văn bản thông báo cho Bên Bán không chậm hơn một (01) tháng trước ngày hết hạn của Thỏa thuận khung. Tổng thời hạn gia hạn của Thỏa thuận khung không vượt quá 06 tháng.

Article 6. Contract price

Điều 6. Giá trị hợp đồng

The Contract Price for each Coal Supply Agreement shall be determined as specified in the Coal Sales and Purchase Contract.

Giá trị hợp đồng đối với mỗi Hợp đồng mua bán than sẽ được xác định tại từng Hợp đồng mua bán than.

Article 7. Performance Security

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. The Purchaser may require a Performance Security from the Seller in relation to the performance of a specific Coal Sales and Purchase Contract. In this event, the Seller shall comply with the relevant provisions relating to Performance Security contained in the Coal Sales and Purchase Contract.

Bên Mua có thể yêu cầu Bên Bán cung cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho từng Hợp đồng mua bán than cụ thể. Trong trường hợp này, Bên Bán phải tuân theo các điều khoản liên quan đến Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong Hợp đồng mua bán than.

2. For Seller who is a consortium, if Purchaser requires Performance Security, each member of such Consortium must submit Performance Security to the Purchaser and level of Performance Security value must correspond to part of the contract value undertaken by each member. If all member of such Consortium has an agreement on submission of Performance Security made by one member, such member shall submit the Performance Security to the Purchaser.

Đối với Bên Bán là nhà thầu liên danh, trong trường hợp Bên Mua yêu cầu Bảo đảm thực hiện hợp đồng, mỗi thành viên liên danh phải nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên Mua với giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải tương ứng phần giá trị thực hiện hợp đồng của mỗi thành viên theo thỏa thuận liên danh. Nếu tất cả các thành viên liên danh đồng ý bảo đảm thực hiện hợp đồng được nộp bởi một thành viên, thành viên đó phải nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên Mua.

Article 8. Language

Điều 8. Ngôn ngữ

1. This Framework Agreement, and any Coal Sales and Purchase Contract, as well as all correspondence and documents relating to this Framework Agreement, and any Coal Sales and Purchase Contract, exchanged and signed by the Purchaser and Seller, shall be written in English or bilingual in English and Vietnamese. Supporting documents and printed literature that are part of this Framework Agreement, and any Coal Sales and Purchase Contract, may be in another language provided that they are accompanied by an accurate translation of the relevant passages into the specified language (English), in which case, for purposes of this Framework Agreement, and any Coal Sales and Purchase Contract, this translation shall prevail.

Thỏa thuận khung này, và bất kỳ Hợp đồng mua bán than, cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến Thỏa thuận khung này và bất kỳ Hợp đồng mua bán than được trao đổi, ký kết giữa Bên Bán và Bên Mua phải được viết bằng tiếng Anh hoặc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Các tài liệu hỗ trợ và tài liệu in là một phần của Thỏa thuận khung và các Hợp đồng mua bán than, có thể được viết bằng ngôn ngữ khác với điều kiện được đính kèm một bản dịch chính xác các đoạn có liên quan bằng ngôn ngữ được chỉ định (tiếng Anh), trong trường hợp này, để phục vụ cho Thỏa thuận khung và bất kỳ hợp đồng mua bán than, bản dịch này sẽ được ưu tiên.

2. The Seller shall bear all costs of translation to the governing language and all risks of the accuracy of such translation. ✍

Bên Bán phải chịu tất cả các chi phí dịch thuật sang ngôn ngữ được chỉ định và các rủi ro về tính chính xác của bản dịch đó.

Article 9. Notification

Điều 9. Thông báo

Any notice given by one Party to the other pursuant to this Framework Agreement shall be in writing to the address specified as follows:

Bất kỳ thông báo nào được đưa ra bởi một Bên cho Bên kia căn cứ theo Thỏa thuận khung này phải được viết thành văn bản tới địa chỉ cụ thể dưới đây:

To The Purchaser/Tới Bên Mua: _____

Address/Địa chỉ: _____

Phone/Điện thoại: _____

Fax: _____

Email: _____

Representative/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

To The Seller/Tới Bên Bán: _____

Address /Địa chỉ: _____

Phone /Điện thoại: _____

Fax: _____

Email: _____

Representative/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

A notice shall be effective when delivered and other party has received, or on the notice's effective date, whichever is later.

Một thông báo sẽ có hiệu lực khi được gửi và Bên còn lại đã nhận được, hoặc vào ngày có hiệu lực của thông báo, tùy theo ngày nào muộn hơn.

Notices are deemed to be received by the receiving party on (a) the date of the courier's confirmation of delivery, if delivered by post; (b) the date of delivery on the minutes of handover, if delivered by hand; (c) the date of successful faxing by confirmation of fax system, if sent by fax; or (d) the date that email was successfully sent, if sent by email.

Thông báo được coi là đã nhận bởi Bên nhận vào (a) ngày có xác nhận đã gửi của hãng chuyển phát, nếu chuyển phát qua đường bưu điện; (b) ngày giao nhận trên biên bản giao nhận, nếu giao tận tay; (c) ngày xác nhận của hệ thống fax về việc fax thành công, nếu gửi bằng fax; hoặc (d) ngày theo xác nhận của email về việc gửi email thành công, nếu gửi bằng email.

Article 10. Confidential Information

Điều 10. Thông tin bảo mật ✕

1. The Purchaser and the Seller shall keep confidential and shall not, without the consent in Writing from the other, divulge to any third party any documents, data, or other information provided directly or indirectly by either party in connection with the Framework Agreement.

Bên Mua và Bên Bán sẽ giữ bí mật và nếu không có sự đồng ý bằng văn bản từ Bên kia thì không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin khác được cung cấp trực tiếp hay gián tiếp bởi một trong hai Bên liên quan tới Thỏa thuận khung.

2. The obligation of a party under Article 10.1. above, shall not apply to information that:

Nghĩa vụ của một Bên theo Điều 10.1 ở trên, sẽ không áp dụng khi mà:

(a) The Purchaser or Seller needs to share with the Bank or other institution(s) participating in the financing of a Coal Sales and Purchase Contract.

Bên Mua hoặc Bên Bán cần phải cung cấp cho Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng tham gia vào hoạt động tài chính của Hợp đồng mua bán than.

(b) Now, or in future, enters the public domain through no fault of that party.

Hiện tại, hoặc trong tương lai, sẽ trở nên công khai mà không do lỗi của Bên đó.

(c) Can be proven to have been possessed by that party at the time of disclosure and was not previously obtained, directly or indirectly, from the other party.

Được chứng minh là đã bị chiếm hữu bởi Bên đó tại thời điểm bị tiết lộ và thông tin ấy trước đó không được lấy trực tiếp hoặc gián tiếp từ Bên kia.

(d) Such information becomes lawfully available to that Party from a third party with no obligation of confidentiality.

Thông tin đó trở nên có sẵn một cách hợp pháp cho Bên đó từ bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật.

Article 11. Applicable Law and Dispute resolution

Điều 11. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. This Framework Agreement, and any Coal Sales and Purchase Contract, shall be applicable and interpreted in accordance with Vietnamese Law.

Thỏa thuận khung này, và bất kỳ Hợp đồng mua bán than nào, sẽ được áp dụng và giải thích theo luật Việt Nam.

2. In the event that a dispute arises out of, or in connection with, the Framework Agreement and/or the Coal Sales and Purchase Contract, the Parties shall use all their efforts to contact and cooperate with each other in good faith to resolve the dispute.

Trong trường hợp tranh chấp phát sinh ngoài, hoặc liên quan đến Thỏa thuận khung và/hoặc Hợp đồng mua bán than, các Bên sẽ bằng mọi nỗ lực của mình để liên hệ và hợp tác với nhau nhằm giải quyết tranh chấp một cách thiện chí.

3. If any dispute is not resolved through negotiation or conciliation within 60 (sixty) days from the date on which the dispute arises, either Party shall have the right to #

send notice of commencement of dispute by arbitration to the other Party prior to the commencement of arbitration proceedings in this Article. The resolution of disputes is through arbitration at the Vietnam International Arbitration Centre at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (“VIAC”) in accordance with arbitration rules (“VIAC Rules”) and under Vietnamese law. The language of arbitration is English and Vietnamese. The place of arbitration is Hanoi. The award rendered by the arbitrators shall be final and binding on the Parties concerned.

Mọi tranh chấp nếu không được giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, bất kỳ Bên nào cũng có quyền gửi thông báo bắt đầu tranh chấp bằng trọng tài cho Bên còn lại trước khi bắt đầu thủ tục trọng tài tại Điều này. Việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc trọng tài (“Quy tắc VIAC”) và theo luật Việt Nam. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Anh và tiếng Việt. Địa điểm trọng tài là thành phố Hà Nội. Phán quyết do các trọng tài đưa ra sẽ là cuối cùng và ràng buộc các Bên liên quan.

Article 12. Change to the Framework Agreement

Điều 12. Thay đổi Thỏa thuận khung

1. Any change to this Framework Agreement, including an extension of the duration of Framework Agreement, must be in writing and signed by both Parties. A change can be made at any time after this Framework Agreement has been signed by both Parties, and before it expires.

Mọi thay đổi đối với Thỏa thuận khung này, bao gồm gia hạn Thời hạn Thỏa thuận khung, phải được lập thành văn bản và ký bởi cả hai Bên. Một thay đổi có thể được thực hiện vào bất kỳ thời gian nào sau khi Thỏa thuận khung được ký bởi hai Bên và trước khi hết hạn.

2. During the contract execution, depending on specific bidding package, if the Purchaser needs to modify/supplement necessary contents for the signed Framework Agreement, the content shall be stated in the Request for Quotation for the Bidders to consider participating.

Trong quá trình thực hiện, tùy vào từng gói thầu cụ thể, nếu Bên Mua cần điều chỉnh/bổ sung các nội dung cần thiết so với Thỏa thuận khung đã ký kết, nội dung sẽ được nêu trong Bản YCBG để Nhà thầu xem xét tham gia.

Article 13. Termination of the Framework Agreement

Điều 13. Chấm dứt Thỏa thuận khung

1. The Purchaser, without prejudice to any other remedy for breach of the Framework Agreement, may terminate this Framework Agreement immediately, by notice in writing to the Seller, if:

Bên Mua, nếu không ảnh hưởng đến bất kỳ biện pháp khắc phục vi phạm Thỏa thuận khung nào khác, có thể chấm dứt Thỏa thuận khung này ngay lập tức, bằng cách thông báo bằng văn bản đến Bên Bán, nếu:

(a) During the duration of the Framework Agreement, the Seller ceases to be qualified or eligible as per Article 4; or μ

Trong thời hạn của Thỏa thuận khung, Bên Bán không có đủ năng lực hoặc tư cách theo Điều 4; hoặc

(b) The Seller intends to assign, or otherwise transfer or dispose of this Framework Agreement, in whole, or in part, without the prior written consent of the Purchaser, or

Bên Bán có ý định chuyển nhượng, hoặc chuyển giao hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần Thỏa thuận khung mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua, hoặc

(c) The Seller becomes bankrupt or otherwise insolvent, or

Bên Bán bị phá sản hoặc mất khả năng thanh toán; hoặc

(d) The Seller is banned from bidding as prescribed in blacklist of the Purchaser who are not allowed to participate in bidding packages of the Purchaser; or

Bên Bán bị cấm đấu thầu theo quy định và/hoặc có tên trong danh sách các nhà thầu không được tham gia các gói thầu của Bên Mua; hoặc

(e) The Seller/member of the Seller (as an independent bidder/Consortium member) fails to meet the requirements of quality, delivery and/or seriously violates the provisions of the Coal Sales and Purchase Contract; or

Bên Bán/thành viên của Bên Bán (với vai trò là nhà thầu độc lập/thành viên liên danh) không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, giao hàng và/hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Hợp đồng mua bán than; hoặc

(f) Other cases at the discretion of the Purchaser.

Các trường hợp khác theo quyết định của Bên Mua.

2. The Purchaser may terminate this Framework Agreement, in whole or in part, by notice in writing sent to the Seller, at any time. The notice of termination shall state the scope of termination of Seller's performance under the Framework Agreement and the date on which such termination becomes effective.

Bên Mua có thể chấm dứt toàn bộ hay một phần của Thỏa thuận khung này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên Bán bất cứ lúc nào. Thông báo chấm dứt phải nêu rõ phạm vi chấm dứt việc thực hiện của Bên bán theo Thỏa thuận khung và ngày mà việc chấm dứt đó có hiệu lực.

Article 14. Consequence of expiration or termination

Điều 14. Kết quả của việc hết hạn hoặc chấm dứt

Upon expiration, or earlier termination of this Framework Agreement, all Coal Sales and Purchase Contracts signed under this Framework Agreement shall continue in full force and effect unless otherwise terminated under the Coal Sales and Purchase Contract. However, no further Coal Sales and Purchase Contracts shall be awarded once the Framework Agreement expires or is terminated.

Ngay khi hết hạn, hoặc chấm dứt sớm Thỏa thuận khung, tất cả các Hợp đồng mua bán than ký kết theo Thỏa thuận khung này sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ khi bị chấm dứt theo quy định của Hợp đồng mua bán than. Tuy nhiên, sẽ không có Hợp đồng mua bán than nào khác được trao kể từ khi Thỏa thuận khung hết hạn hoặc chấm dứt.

Article 15. Enforcement

Điều 15. Điều khoản thi hành

This Framework Agreement is signed on and executed in six (06) originals which have equal legal value, the Purchaser shall keep three (03) originals and the Seller shall keep three (03) originals.

Thỏa thuận khung này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 (ba) bản.

In case of discrepancies between the English and Vietnamese versions, the English version shall prevail.

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, thì bản tiếng Anh sẽ được thừa nhận.

SELLER REPRESENTATIVE

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

PURCHASER REPRESENTATIVE

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



K